

Số: 3147/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC BỔ SUNG NỘI DUNG PHỤ LỤC II VỀ THÔNG ĐIỆP TRAO ĐỔI DỮ LIỆU, BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH 2924/QĐ-TCHQ NGÀY 03/10/2014**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN**

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 07/1997/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/12/1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày 15/06/2004;*

*Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/06/2006;*

*Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội;*

*Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;*

*Căn cứ thông tư 126/2014/TT-BTC ngày 28/8/2014 của Bộ Tài chính quy định một số thủ tục về kê khai, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;*

*Và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật;*

*Căn cứ Thỏa thuận hợp tác tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước, bảo lãnh thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng phương thức điện tử giữa Tổng cục Hải quan với các tổ chức tín dụng;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục CNTT & Thống kê Hải quan, Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này nội dung bổ sung Phụ lục II về thông điệp trao đổi dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định 2924/QĐ-TCHQ ngày 03/10/2014 về việc “Ban hành Quy chế trao đổi thông tin về thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, các khoản thu khác của ngân sách nhà nước và bảo lãnh thuế liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại Cổng thanh toán điện tử của Tổng cục Hải quan”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục CNTT và Thống kê Hải quan, Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Website Hải quan;
- Cục Thuế XNK (để phối hợp);
- Lưu: VT, CNTT (3b).

**Nguyễn Dương Thái**

**PHỤ LỤC**

**BỔ SUNG THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3147/QĐ-TCHQ ngày 24/10/2014 của Tổng cục Hải quan)*

**Phần 1. TÊN THÔNG ĐIỆP**

Bổ sung các thông điệp sau:

- Thông điệp truy vấn thông tin bảo lãnh chung (M13).
- Thông điệp kết quả truy vấn thông tin bảo lãnh chung (M14).
- Thông điệp truy vấn thông tin danh mục (M15).
- Thông điệp kết quả truy vấn thông tin danh mục hải quan (M16).
- Thông điệp kết quả truy vấn thông tin danh mục kho bạc (M17).
- Thông điệp kết quả truy vấn thông tin danh mục loại hình xuất nhập khẩu (M18).
- Thông điệp kết quả truy vấn thông tin doanh nghiệp xuất nhập khẩu (M19).
- Thông điệp điều chỉnh thông tin nộp thuế bằng VNĐ (M24).
- Thông điệp điều chỉnh thông tin nộp thuế bằng ngoại tệ (M25).
- Thông điệp xác nhận nộp tiền cho nhiều tờ khai bằng VNĐ (M26).
- Thông điệp xác nhận nộp tiền cho nhiều tờ khai bằng ngoại tệ (M27).
- Thông điệp yêu cầu đối chiếu dữ liệu nộp thuế bằng VNĐ cho nhiều tờ khai thành công (M47).
- Thông điệp kết quả đối chiếu dữ liệu nộp thuế bằng VNĐ cho nhiều tờ khai thành công (M48).
- Thông điệp yêu cầu đối chiếu dữ liệu nộp thuế bằng ngoại tệ cho nhiều tờ khai thành công (M49).
- Thông điệp kết quả đối chiếu dữ liệu nộp thuế bằng ngoại tệ cho nhiều tờ khai thành công (M50).

**Phần 2. CẤU TRÚC THÔNG ĐIỆP DỮ LIỆU TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

**2.1. Thông điệp M13**

```
<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>13</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp truy vấn thông tin bảo lãnh chung</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T16:52:20</Transaction_Date>

    <Transaction_ID>1</Transaction_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Ma_DV>2600604769</Ma_DV>
    <So_CT>12345678</So_CT>
    <KyHieu_CT>TCHQ_GPUMIzz9WN</KyHieu_CT >
  </Data>
  <Security>
    <Signature>GPUMIzz9WN/kJfdnv/SGa/LmX8UAa8paNFF+W9aUYUH8KxoP+8peN+stxPd5B7gIZ/5GodF2vuG
    LGRnI/jyFT9s9i1cipntV6HYqrLTuT5LF6WObXVj16XprDhZxx6XHMciY62a199VfwWDPd10a+xvc0vNIWB606
    8t+rsqzkr+kcF9fkRi3irJs0sK+FTWv73nuFAF4ZCMBS6JQmwLOjX1mUc2xtYVu59wM1Q3D0CnBsL6qkx/9kku
    li+EgOdXXL9M2XsK5JLaF1Ru2oLludUJJqTNXuXf2PYBmUGe4Abbkwuujay6/FUGwc9b+h/S/Tr02XylD2vXw5
    DRLymzw4w==</Signature>
  </Security>
</CUSTOMS>
```

## 2.2. Thông điệp M14

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>TCHQ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>14</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp kết quả truy vấn thông tin bảo lãnh
chung</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-22T02:57:13</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffa0</Transaction_ID>
    <Request_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Ma_DV>1234567890</Ma_DV>
    <So_CT>1234567890</So_CT>
    <KyHieu_CT>1234567890</KyHieu_CT>
    <Ngay_CT>2014-01-01</Ngay_CT>
    <Ngay_HL>2014-01-01</Ngay_HL>
    <Ngay_HHL>2015-01-01</Ngay_HHL>
    <HanMuc>600000000</HanMuc>
    <SoDu>555000000</SoDu>
    <ChiTiet_BLC>
      <So_TK>12345678901</So_TK>
      <Ngay_DK>2014-01-01</Ngay_DK>
      <So_SD>200000</So_SD>
      <So_PH></So_PH>
    </ChiTiet_BLC>
    <ChiTiet_BLC>
      <So_TK>12345678902</So_TK>
      <Ngay_DK>2014-01-01</Ngay_DK>
      <So_SD></So_SD>
      <So_PH>2000000</So_PH>
    </ChiTiet_BLC>
  </Data>
  <Error>
    <Error_Number>0</Error_Number>
    <Error_Message>giao dịch thành công</Error_Message>
  </Error>
  <Security>
    <Signature>UyYRjnsSRxDK0p3SiF+sqULvgCIVam187u5dPkIylkkHyQMdcAYjkpmfy8i7v2m/+Bat4jAGncZ
VwIzdFi1d80oTyX4aGo+SZK1NURs+CScdCYFaLDMv3G1Pt6stqSqHEAXM8IaM/fVICKQ3gZV1300JA7HsgA0X
6J1P0fD90/3b8g4px0JV4sqfJHIjMPGyTjCvY1qt0NmXe/YmTIJuR2Xnnr1xSZi5dJLyQF39HBoQF9Mx/DJjUW
a3Dd7sIzM0xyEaAPGpVFBuFv0A7dN5kGytafkcZ7eYDq952dKKHpwSjHqY0VeOmuMGvzVUtGDv+GQ+yPwzKZb
iZihze09Q==</Signature>
  </Security>
</CUSTOMS>

```

### 2.3. Thông điệp M15

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>15</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp truy vấn thông tin danh mục</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T16:52:20</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffa0</Transaction_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Loai_DM>HQ</Loai_DM>
    <Ma_DV></Ma_DV>
  </Data>
  <Security>
    <Signature>GPUMIZz9WN/kJfdnv/SGa/LmX8UAa8paNFF+W9aUYUH8KxOP+8peN+stxPd5B7gIZ/5GodF2vuG
    LGRnI/jyFT9s9i1cipntV6HYqrLTuT5LF6WObXVj16XprDhZxx6XHMciY62a199VfwWDPd10a+xvc0vNIWB606
    8t+rsqzkr+kcf9fkr13irJs0sK+FTWv73nuFAF4ZCMBS6JQmwLOjX1mUc2xtYVu59wM1Q3DOcnBsL6qkx/9kku
    li+EgOdXKL9M2XsK5JLaF1Ru2oLludUJJqTNXuXf2PYBmuGE4Abbkwuujay6/FUGwc9b+h/S/Tr02Xy1D2vXw5
    DRLymzw4w==</Signature>
  </Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.4. Thông điệp M16

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>TCHQ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>16</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp kết quả truy vấn thông tin danh mục hải
    quan</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-22T02:57:13</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffa0</Transaction_ID>
    <Request_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Item>
      <Ma_HQ>02AB</Ma_HQ>
      <Ten_HQ>Chi cục Hải quan sân bay quốc tế TSN</Ten_HQ>
      <Ma_Cu>A02B</Ma_Cu>
      <Ma_QHNS>1234567</Ma_QHNS>
    </Item>
    <Item>
      <Ma_HQ>02B1</Ma_HQ>
      <Ten_HQ>Chi cục Hải quan sân bay quốc tế TSN - Đội xxx</Ten_HQ>
      <Ma_Cu>A02B01</Ma_Cu>
      <Ma_QHNS>1234567</Ma_QHNS>
    </Item>
  </Data>
  <Error>
    <Error_Number>0</Error_Number>
    <Error_Message>giao dịch thành công</Error_Message>
  </Error>
  <Security>
    <Signature>UyYRJnsSRxDK0p3SiF+sqULvgCIVam187u5dPkIylkkHyQMdcAYjkpmfy8i7v2m/+Bat4jAGncZ
    VwIzdFiF1d80oTyX4aGo+SZK1NURs+CScdCYFaLDMv3G1Pt6stqSqHEAXM8IaM/fVICKQ3gZV1300JA7HsgA0X
    6J1P0fD90/3b8g4px0JV4sqfJHIjMPGyTjCvY1qt0NmXe/YmTIIJuR2Xnnr1xSZi5dJLyQF39HBoQF9Mx/DJjUW
    a3Dd7sIzM0xyEaAPGpVFBuFv0A7dN5kGytafKcz7eYDq952dKKHpwsJhEqY0VeOmuMGvzVUtgdV+GQ+yPwzKZb
    izihze09Q==</Signature>
  </Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.5. Thông điệp M17

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>TCHQ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>17</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp kết quả truy vấn thông tin danh mục kho
    bực</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-22T02:57:13</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffa0</Transaction_ID>
    <Request_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Item>
      <Ma_KB>0016</Ma_KB>
      <Ten_HQ>KBNN - Long Bien</Ten_HQ>
    </Item>
    <Item>
      <Ma_KB>0017</Ma_KB>
      <Ten_HQ>KBNN - xxx</Ten_HQ>
    </Item>
  </Data>
  <Error>
    <Error_Number>0</Error_Number>
    <Error_Message>giao dịch thành công</Error_Message>
  </Error>
  <Security>
    <Signature>UyYRjnsSRx0p3SiF+sqLvgCIVam187u5dPk1ylkkHyQmdcAYjkpmfy817v2m/+Bat4jAGncZ
    VwIzdFif1d80oTyX4aGo+SZK1NURs+CScdCYFaLDMv3G1Pt6stqSqHEAXM8IaM/fVICKQ3gZV1300JA7HsgA0X
    6J1P0fD90/3b8g4px0JV4sqfJHIjMPGyTjCvY1qt0NmXe/YmTlJuR2Xnnr1xSZ15dJLyQF39HBoQF9Mx/DJjUW
    a3Dd7sIzM0xyEaAPGpvFBuFv0A7dN5kGytafkcz7eYDq952dKKHpwsJhEqY0VeOmuMGvzVUtgdv+GQ+yPwzKZb
    iZihze09Q==</Signature>
  </Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.6. Thông điệp M18

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>TCHQ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>18</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp kết quả truy vấn thông tin danh mục loại
    hình</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-22T02:57:13</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffa0</Transaction_ID>
    <Request_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Item>
      <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
      <Ten_LH>Nhập kinh doanh</Ten_LH>
      <SN_AH>30</SN_AH>
    </Item>
    <Item>
      <Ma_LH>NKD02</Ma_LH>
      <Ten_LH>Nhập kinh doanh 02</Ten_LH>
      <SN_AH>30</SN_AH>
    </Item>
  </Data>
  <Error>

```

```

    <Error_Number>0</Error_Number>
    <Error_Message>giao dich thanh cong</Error_Message>
  </Error>
  <Security>
<Signature>UyYRjNsSRxDK0p3SiF+sqlVgCIVam187u5dPkIy1kkHyQMdcAYjkpmfy8i7v2m/+Bat4jAGncZ
VwIzdFif1d80oTyX4aGo+SZK1NURs+CScdCYFaLDMv3G1Pt6stqSqHEAXM8IaM/fVICKQ3gZV1300JA7HsgA0X
6J1P0fD90/3b8g4px0JV4sqfJHIjMPGyTjCvY1qt0NmXe/YmTlJuR2Xnnr1xSZ15dJLyQF39HBoQF9Mx/DJjUW
a3Dd7sIzM0xyEaAPGpvFBuFv0A7dN5kGytafkcZ7eYDq952dKKHpwsJhEqY0VeOmuMGvzVUtgdv+GQ+yPwzKZb
iZihze09Q==</Signature>
  </Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.7. Thông điệp M19

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>TCHQ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>19</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp kết quả truy vấn thông tin doanh nghiệp xuất nhập
khẩu</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-22T02:57:13</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>294aed32-30de-456a-9d6c-1b4b72ffa0</Transaction_ID>
    <Request_ID>0f70aa67-aa0f-4c58-ab3b-d7428dfdb07d</Request_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Ma_DV>1234567890</Ma_DV>
    <Ma_Chuong>123</Ma_Chuong>
    <Ten_DV>Công ty 1234567890</Ten_DV>
    <DiaChi>Hà Nội</DiaChi>
  </Data>
  <Error>
    <Error_Number>0</Error_Number>
    <Error_Message>giao dich thanh cong</Error_Message>
  </Error>
  <Security>
<Signature>UyYRjNsSRxDK0p3SiF+sqlVgCIVam187u5dPkIy1kkHyQMdcAYjkpmfy8i7v2m/+Bat4jAGncZ
VwIzdFif1d80oTyX4aGo+SZK1NURs+CScdCYFaLDMv3G1Pt6stqSqHEAXM8IaM/fVICKQ3gZV1300JA7HsgA0X
6J1P0fD90/3b8g4px0JV4sqfJHIjMPGyTjCvY1qt0NmXe/YmTlJuR2Xnnr1xSZ15dJLyQF39HBoQF9Mx/DJjUW
a3Dd7sIzM0xyEaAPGpvFBuFv0A7dN5kGytafkcZ7eYDq952dKKHpwsJhEqY0VeOmuMGvzVUtgdv+GQ+yPwzKZb
iZihze09Q==</Signature>
  </Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.8. Thông điệp M24

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>24</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp điều chỉnh thông tin nộp thuế bằng
VNĐ</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T15:59:46</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Transaction_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
    <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
    <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
    <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
    <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
    <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>

```

```

<Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thong tin va chuyen giao cong nghe</Ten_DV>
<Ma_HQ_PH>A01B</Ma_HQ_PH>
<Ma_HQ_CQT>2995092</Ma_HQ_CQT>
<Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
<Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
<So_TK>30</So_TK>
<Ngay_DK>2012-03-05</Ngay_DK>
<Ma_LT>1</Ma_LT>
<Ma_NTK>1</Ma_NTK>
<Loai_CT>21</Loai_CT>
<So_TN_CTS>TCHQ_001112</So_TN_CTS>
<Ngay_TN_CTS>2014-09-26T15:59:46</Ngay_TN_CTS>
<KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
<So_CT>66907</So_CT>
<TTButToan>1</TTButToan>
<Ma_KB>2411</Ma_KB>
<Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Son</Ten_KB>
<TKKB>741.01.01.00062</TKKB>
<TKKB_CT>74101062</TKKB_CT>
<Ngay_BN>2014-09-26</Ngay_BN>
<Ngay_BC>2014-09-26</Ngay_BC>
<Ngay_CT>2014-09-26</Ngay_CT>
<DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
<Khoan_XK>000</Khoan_XK>
<TieuMuc_XK>1851</TieuMuc_XK>
<DuNo_XK>0</DuNo_XK>
<Khoan_NK>000</Khoan_NK>
<TieuMuc_NK>1901</TieuMuc_NK>
<DuNo_NK>1000</DuNo_NK>
<Khoan_VA>000</Khoan_VA>
<TieuMuc_VA>1702</TieuMuc_VA>
<DuNo_VA>2000</DuNo_VA>
<Khoan_TD>000</Khoan_TD>
<TieuMuc_TD>1752</TieuMuc_TD>
<DuNo_TD>3000</DuNo_TD>
<Khoan_TV>000</Khoan_TV>
<TieuMuc_TV>1951</TieuMuc_TV>
<DuNo_TV>0</DuNo_TV>
<Khoan_MT>000</Khoan_MT>
<TieuMuc_MT>2005</TieuMuc_MT>
<DuNo_MT>4000</DuNo_MT>
<Khoan_KH>000</Khoan_KH>
<TieuMuc_KH>0000</TieuMuc_KH>
<DuNo_KH>0</DuNo_KH>
<DuNo_TO>10000</DuNo_TO>
</Data>
<Security>
<Signature>I40F9kAneHuSGfX0oozi7A84Z6IbMlEIFNGxmE0fUAjzqm7/tBYsG1TKjazzJsHU+H330pD8Dr64
QvwIr/XivUyPd/+z5DK4G3Qbes2dgSeutTN6TR6DI8RfApDaOhgd+jr7En18oUHS2Ud0GR1L0LzOWEGbTcYJAC
JZV26fAZUwSy0M1hTQxyQkiXXnMYGzPnKVkMCbJ0Go0LIfZtWGXzoFppIIA167t6gLv1F7i0fgEtgnYc9D3SXB
KW2h10/a+hmuL3sOdWjIdnZAPghGRYqUY+dj+toMVQlLWAlNxtJpK7+GQZzQ51cTQKG9dbRg5TMJg7nsrh/u0I
PRw2MnNwg==</Signature>
</Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.9. Thông điệp M25

```

<CUSTOMS>
<Header>
<Message_Version>2.0</Message_Version>
<Sender_Code>12345678</Sender_Code>
<Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
<Transaction_Type>25</Transaction_Type>

```

<Transaction\_Name>Thông điệp điều chỉnh thông tin nộp thuế bằng ngoại  
tệ</Transaction\_Name>  
<Transaction\_Date>2014-09-26T15:59:46</Transaction\_Date>  
<Transaction\_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Transaction\_ID>  
</Header>  
<Data>  
<Ma\_NH\_PH>01203001</Ma\_NH\_PH>  
<Ten\_NH\_PH>SGD Vietcombank</Ten\_NH\_PH>  
<Ma\_NH\_TH>87654321</Ma\_NH\_TH>  
<Ten\_NH\_TH>NH zxy</Ten\_NH\_TH>  
<Ma\_DV>0101144801</Ma\_DV>  
<Ma\_Chuong>158</Ma\_Chuong>  
<Ten\_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten\_DV>  
<Ma\_HQ\_PH>A01B</Ma\_HQ\_PH>  
<Ma\_HQ\_CQT>2995092</Ma\_HQ\_CQT>  
<Ma\_HQ>A01B</Ma\_HQ>  
<Ma\_LH>NKD01</Ma\_LH>  
<So\_TK>30</So\_TK>  
<Ngày\_DK>2012-03-05</Ngày\_DK>  
<Ma\_LT>1</Ma\_LT>  
<Ma\_NTK>1</Ma\_NTK>  
<Loai\_CT>21</Loai\_CT>  
<So\_TN\_CTS>TCHQ\_001112</So\_TN\_CTS>  
<Ngày\_TN\_CTS>2014-09-26T15:59:46</Ngày\_TN\_CTS>  
<KyHieu\_CT>TEST014269</KyHieu\_CT>  
<So\_CT>66907</So\_CT>  
<TTButToan>1</TTButToan>  
<Ma\_KB>2411</Ma\_KB>  
<Ten\_KB>Van Phong KBNN Lang Sơn</Ten\_KB>  
<TKKB>741.01.01.00062</TKKB>  
<TKKB\_CT>74101062</TKKB\_CT>  
<Ngày\_BN>2014-09-26</Ngày\_BN>  
<Ngày\_BC>2014-09-26</Ngày\_BC>  
<Ngày\_CT>2014-09-26</Ngày\_CT>  
<Ma\_NT>USD</Ma\_NT>  
<Ty\_Gia>22.01</Ty\_Gia>  
<DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>  
<Khoan\_XK>000</Khoan\_XK>  
<TieuMuc\_XK>1851</TieuMuc\_XK>  
<DuNo\_NT\_XK>0</DuNo\_NT\_XK>  
<DuNo\_XK>0</DuNo\_XK>  
<Khoan\_NK>000</Khoan\_NK>  
<TieuMuc\_NK>1901</TieuMuc\_NK>  
<DuNo\_NT\_NK>0</DuNo\_NT\_NK>  
<DuNo\_NK>1000</DuNo\_NK>  
<Khoan\_VA>000</Khoan\_VA>  
<TieuMuc\_VA>1702</TieuMuc\_VA>  
<DuNo\_NT\_VA>0</DuNo\_NT\_VA>  
<DuNo\_VA>2000</DuNo\_VA>  
<Khoan\_TD>000</Khoan\_TD>  
<TieuMuc\_TD>1752</TieuMuc\_TD>  
<DuNo\_NT\_TD>0</DuNo\_NT\_TD>  
<DuNo\_TD>3000</DuNo\_TD>  
<Khoan\_TV>000</Khoan\_TV>  
<TieuMuc\_TV>1951</TieuMuc\_TV>  
<DuNo\_NT\_TV>0</DuNo\_NT\_TV>  
<DuNo\_TV>0</DuNo\_TV>  
<Khoan\_MT>000</Khoan\_MT>  
<TieuMuc\_MT>2005</TieuMuc\_MT>  
<DuNo\_NT\_MT>0</DuNo\_NT\_MT>  
<DuNo\_MT>4000</DuNo\_MT>  
<Khoan\_KH>000</Khoan\_KH>  
<TieuMuc\_KH>0000</TieuMuc\_KH>  
<DuNo\_NT\_KH>0</DuNo\_NT\_KH>

```

    <DuNo_KH>0</DuNo_KH>
    <DuNo_NT_TO>10000</DuNo_NT_TO>
    <DuNo_TO>0</DuNo_TO>
  </Data>
  <Security>
    <Signature>I40F9kAneHuSGfX0ozi7A84Z6IbMlEIFNGxmE0fUAjzqM7/tBYsGiTKjzasJshU+H330pD8Dr64
    QvwIr/XivUyPd/+z5DK4G3Qbes2dgSeutTN6TR6DI8RfApDa0hgd+jr7En18oUHS2Ud0GR1L0LzOWEGbTcYJAC
    JZV26fAZUwSy0M1hTQxyQkiXXnMYGzPnKVkMCbJ0Go0LIfZtWGxzoFppIIAi67t6gLv1F7i0fgEtgnYc9D3SXB
    KW2hl0/a+hmuL3s0dwjIdnZAPghGRyqUY+dj+toMVQ1LwAlNxTjpK7+GQZzQ51cTQKG9dbRg5TMJg7nsrh/u0I
    PRw2MNnwg==</Signature>
  </Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.10. Thông điệp M26

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>26</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp xác nhận nộp tiền cho nhiều tờ khai bằng VND
  </Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T15:59:46</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Transaction_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
    <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
    <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
    <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
    <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
    <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
    <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
    <Ma_KB>2411</Ma_KB>
    <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Sơn</Ten_KB>
    <TKKB>7111</TKKB>
    <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
    <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
    <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
    <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
    <So_CT>66907</So_CT>
    <Loai_CT>21</Loai_CT>
    <So_TN_CTS>TCHQ_001112</So_TN_CTS>
    <Ngày_TN_CTS>2014-09-26T15:59:46</Ngày_TN_CTS>
    <Ngày_BN>2014-09-26</Ngày_BN>
    <Ngày_BC>2014-09-26</Ngày_BC>
    <Ngày_CT>2014-09-26</Ngày_CT>
    <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
    <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
    <GNT_CT>
      <TTButToan>1</TTButToan>
      <Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
      <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
      <Nam_DK>2012</Nam_DK>
      <So_TK>30</So_TK>
      <Ma_LT>1</Ma_LT>
      <TK_CT>
        <Ma_ST>NK</Ma_ST>
        <NDKT>1901</NDKT>
        <SoTien>12345678</SoTien>
      </TK_CT>
    </TK_CT>
  </Data>
</CUSTOMS>

```

```

    <Ma_ST>VA</Ma_ST>
    <NDKT>1701</NDKT>
    <SoTien>12345678</SoTien>
  </TK_CT>
</GNT_CT>
</Data>
<Security>
<Signature>I40F9kAneHuSGfX0ozi7A84Z6IbM1EIFNGxmE0fUAjzqM7/tBYsGiTKjazsJsHU+H330pD8Dr64
QvwIr/XivUyPd/+z5DK4G3Qbes2dgSeutTN6TR6DI8RfApDaOhgd+jr7En18oUHS2Ud0GR1L0LzOWEGbTcYJAC
JZV26fAZUwSy0M1hTQxyQkiXXnMYGzPnKVkMCbJ0Go0LIfZtWGxzofPpIIAi67t6gLv1F7i0fgEtgnYc9D3SXB
KW2hl0/a+hmul3sOdWjIdnZAPghGRyqUY+dj+toMVQ1LwA1NXTJpK7+GQZzQ51cTQKG9dbRg5TMJg7nsrh/u0I
PRw2MNNwg==</Signature>
</Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.11. Thông điệp M27

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>27</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp xác nhận nộp tiền cho nhiều tờ khai bằng ngoại tệ
  </Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T15:59:46</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Transaction_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
    <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
    <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
    <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
    <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
    <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
    <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
    <Ma_KB>2411</Ma_KB>
    <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Sơn</Ten_KB>
    <TKKB>7111</TKKB>
    <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
    <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
    <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
    <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
    <So_CT>66907</So_CT>
    <Loai_CT>21</Loai_CT>
    <So_TN_CTS>TCHQ_001112</So_TN_CTS>
    <Ngày_TN_CTS>2014-09-26T15:59:46</Ngày_TN_CTS>
    <Ngày_BN>2014-09-26</Ngày_BN>
    <Ngày_BC>2014-09-26</Ngày_BC>
    <Ngày_CT>2014-09-26</Ngày_CT>
    <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
    <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
  <GNT_CT>
    <TTButToan>1</TTButToan>
    <Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
    <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
    <Nam_DK>2012</Nam_DK>
    <So_TK>30</So_TK>
    <Ma_LT>1</Ma_LT>
  <TK_CT>
    <Ma_ST>NK</Ma_ST>
    <NDKT>1901</NDKT>
    <Ma_NT>USD</Ma_NT>
    <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>

```

```

    <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
    <SoTien>12345678</SoTien>
  </TK_CT>
  <TK_CT>
    <Ma_ST>NK</Ma_ST>
    <NDKT>1901</NDKT>
    <Ma_NT>USD</Ma_NT>
    <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>
    <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
    <SoTien>12345678</SoTien>
  </TK_CT>
</GNT_CT>
</Data>
<Security>
<Signature>I40F9kAneHuSGfX0ozi7A84Z6IbM1EIFNGxmE0fUAjzqM7/tBYsGiTKjazzJsHU+H330pD8Dr64
QvwIr/XivUyPd/+z5DK4G3Qbes2dgSeutTN6TR6DI8RfApDaOhgd+jr7En18oUHS2Ud0GR1L0LzOWEGbTcYJAC
JZV26fAZUwSy0M1hTQxyQkiXXnMYGzPnKVkMCbJ0Go0LIIfZtWGxzoFppIIAi67t6gLv1F7i0fgEtnYc9D3SXB
KW2h10/a+hmUL3s0dWjIdnZAPghGRyqUY+dj+toMVQ1LwAlNxTjPK7+GQZzQ51cTQKG9dbRg5TMJg7nsrh/u0I
PRw2MNNwg==</Signature>
</Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.12. Thông điệp M47

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>47</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp yêu cầu đối chiếu dữ liệu nộp thuế bằng VNĐ cho nhiều
    tờ khai thành công</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T15:59:46</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Transaction_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Ma_NH_DC>12345678</Ma_NH_DC>
    <Ngày_DC>2014-09-26</Ngày_DC>
    <Transaction>
      <Transaction_ID>07d55636-4762-41ef-91fa-98ada7ce8532</Transaction_ID>
      <So_TN_CT>Z00Z140000002100</So_TN_CT>
      <Ngày_TN_CT>2014-09-26T09:49:06</Ngày_TN_CT>
      <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
      <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
      <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
      <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
      <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
      <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
      <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
      <Ma_KB>2411</Ma_KB>
      <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Sơn</Ten_KB>
      <TKKB>7111</TKKB>
      <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
      <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
      <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
      <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
      <So_CT>66907</So_CT>
      <Loai_CT>21</Loai_CT>
      <Ngày_BN>2014-09-26</Ngày_BN>
      <Ngày_BC>2014-09-26</Ngày_BC>
      <Ngày_CT>2014-09-26</Ngày_CT>
      <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
      <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
    </GNT_CT>
  </Data>
</CUSTOMS>

```

```
<TTButToan>1</TTButToan>
<Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
<Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
<Nam_DK>2012</Nam_DK>
<So_TK>30</So_TK>
<Ma_LT>1</Ma_LT>
<TK_CT>
  <Ma_ST>NK</Ma_ST>
  <NDKT>1901</NDKT>
  <SoTien>12345678</SoTien>
</TK_CT>
<TK_CT>
  <Ma_ST>VA</Ma_ST>
  <NDKT>1701</NDKT>
  <SoTien>12345678</SoTien>
</TK_CT>
</GNT_CT>
</Transaction>
<Transaction>
  <Transaction_ID>07d55636-4762-41ef-91fa-98ada7ce8532</Transaction_ID>
  <So_TN_CT>Z00Z140000002100</So_TN_CT>
  <Ngay_TN_CT>2014-09-26T09:49:06</Ngay_TN_CT>
  <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
  <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
  <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
  <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
  <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
  <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
  <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thong tin va chuyen giao cong nghe</Ten_DV>
  <Ma_KB>2411</Ma_KB>
  <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Son</Ten_KB>
  <TKKB>7111</TKKB>
  <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
  <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
  <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
  <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
  <So_CT>66907</So_CT>
  <Loai_CT>21</Loai_CT>
  <Ngay_BN>2014-09-26</Ngay_BN>
  <Ngay_BC>2014-09-26</Ngay_BC>
  <Ngay_CT>2014-09-26</Ngay_CT>
  <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
  <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
  <GNT_CT>
    <TTButToan>1</TTButToan>
    <Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
    <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
    <Nam_DK>2012</Nam_DK>
    <So_TK>30</So_TK>
    <Ma_LT>1</Ma_LT>
    <TK_CT>
      <Ma_ST>NK</Ma_ST>
      <NDKT>1901</NDKT>
      <SoTien>12345678</SoTien>
    </TK_CT>
    <TK_CT>
      <Ma_ST>VA</Ma_ST>
      <NDKT>1701</NDKT>
      <SoTien>12345678</SoTien>
    </TK_CT>
  </GNT_CT>
</Transaction>
</Data>
<Security>
```

```

<Signature>I40F9kAneHuSGfX0ozi7A84Z6IbM1EIFNGxmE0fUAjzqm7/tBYsG1TKjazzJsHU+H330pD8Dr64
QvwIr/XivUyPd/+z5DK4G3Qbes2dgSeutTN6TR6DI8RfApDa0hgd+jr7En18oUHS2Ud0GR1L0LzOWEGbTcYJAC
JZV26fAZUwSy0M1hTQxyQkiXnMYGzPnKVkMCbJ0Go0LI fZtWGxzoFppIIAi67t6gLv1F7i0fgEtgnYc9D3SXB
KW2h10/a+hmul3sOdWjIdnZAPghGRyqUY+dj+toMVQ1LwAlNxtJpK7+GQZzQ51cTQKG9dbRg5TMJg7nsrh/u0I
PRw2MnNwg==</Signature>
</Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.13. Thông điệp M48

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>48</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp kết quả đối chiếu dữ liệu nộp thuế bằng VNĐ cho nhiều
tờ khai thành công</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T15:59:46</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Transaction_ID>
    <Request_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Request_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Transaction>
      <Transaction_ID>07d55636-4762-41ef-91fa-98ada7ce8532</Transaction_ID>
      <So_TN_CT>Z00Z140000002100</So_TN_CT>
      <Ngày_TN_CT>2014-09-26T09:49:06</Ngày_TN_CT>
      <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
      <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
      <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
      <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
      <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
      <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
      <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
      <Ma_KB>2411</Ma_KB>
      <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Sơn</Ten_KB>
      <TKKB>7111</TKKB>
      <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
      <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
      <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
      <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
      <So_CT>66907</So_CT>
      <Loai_CT>21</Loai_CT>
      <Ngày_BN>2014-09-26</Ngày_BN>
      <Ngày_BC>2014-09-26</Ngày_BC>
      <Ngày_CT>2014-09-26</Ngày_CT>
      <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
      <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
      <GNT_CT>
        <TTButToan>1</TTButToan>
        <Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
        <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
        <Nam_DK>2012</Nam_DK>
        <So_TK>30</So_TK>
        <Ma_LT>1</Ma_LT>
        <TK_CT>
          <Ma_ST>NK</Ma_ST>
          <NDKT>1901</NDKT>
          <SoTien>12345678</SoTien>
        </TK_CT>
        <TK_CT>
          <Ma_ST>VA</Ma_ST>
          <NDKT>1701</NDKT>
          <SoTien>12345678</SoTien>
        </TK_CT>
      </GNT_CT>
    </Transaction>
  </Data>
</CUSTOMS>

```

```

    </TK_CT>
    </GNT_CT>
    <KQ_DC></KQ_DC>
  </Transaction>
  <Transaction>
    <Transaction_ID>07d55636-4762-41ef-91fa-98ada7ce8532</Transaction_ID>
    <So_TN_CT>Z00Z140000002100</So_TN_CT>
    <Ngay_TN_CT>2014-09-26T09:49:06</Ngay_TN_CT>
    <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
    <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
    <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
    <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
    <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
    <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
    <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
    <Ma_KB>2411</Ma_KB>
    <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Sơn</Ten_KB>
    <TKKB>7111</TKKB>
    <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
    <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
    <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
    <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
    <So_CT>66907</So_CT>
    <Loai_CT>21</Loai_CT>
    <Ngay_BN>2014-09-26</Ngay_BN>
    <Ngay_BC>2014-09-26</Ngay_BC>
    <Ngay_CT>2014-09-26</Ngay_CT>
    <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
    <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
    <GNT_CT>
      <TTButToan>1</TTButToan>
      <Ma_HQ>A018</Ma_HQ>
      <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
      <Nam_DK>2012</Nam_DK>
      <So_TK>30</So_TK>
      <Ma_LT>1</Ma_LT>
      <TK_CT>
        <Ma_ST>NK</Ma_ST>
        <NDKT>1901</NDKT>
        <SoTien>12345678</SoTien>
      </TK_CT>
      <TK_CT>
        <Ma_ST>VA</Ma_ST>
        <NDKT>1701</NDKT>
        <SoTien>12345678</SoTien>
      </TK_CT>
    </GNT_CT>
    <KQ_DC></KQ_DC>
  </Transaction>
</Data>
<Error>
  <Error_Number>0</Error_Number>
  <Error_Message>giao dịch thành công</Error_Message>
</Error>
<Security>
  <Signature>I40F9kAneHuSGfX0ozi7A84Z6IbM1EIFNGxmE0fUAjzqM7/tBYsG1TKjazzJsHU+H330pD8Dr64
  QvwIr/XivUyPd/+z5DK4G3Qbes2dgSeutTN6TR6DI8RfApDaOhgd+jr7En18oUHS2Ud0GR1L0Lz0WEGbTcYJAC
  JZV26fAZUwSy0M1htQxyQk1XXnMYGzPnKVkMcbJ0Go0LIffZtWGxzoFppIIA167t6gLv1F710fgEtgnYc9D3SXB
  KW2h10/a+hmuL3s0dWjIdnZAPghGRyquY+dj+toMVQ1LwAlNXTjPK7+GQZzQ51cTQKG9dbRg5TMJg7nsrh/u0I
  PRw2Mnnwg==</Signature>
</Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.14. Thông điệp M49

```
<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>49</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp yêu cầu đối chiếu dữ liệu nộp thuế bằng ngoại tệ cho
nhiều tờ khai thành công</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T15:59:46</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Transaction_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Ma_NH_DC>12345678</Ma_NH_DC>
    <Ngay_DC>2014-09-26</Ngay_DC>
    <Transaction>
      <Transaction_ID>07d55636-4762-41ef-91fa-98ada7ce8532</Transaction_ID>
      <So_TN_CT>Z00Z140000002100</So_TN_CT>
      <Ngay_TN_CT>2014-09-26T09:49:06</Ngay_TN_CT>
      <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
      <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
      <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
      <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
      <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
      <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
      <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
      <Ma_KB>2411</Ma_KB>
      <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Sơn</Ten_KB>
      <TKKB>7111</TKKB>
      <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
      <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
      <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
      <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
      <So_CT>66907</So_CT>
      <Loai_CT>21</Loai_CT>
      <So_TN_CTS>TCHQ_001112</So_TN_CTS>
      <Ngay_TN_CTS>2014-09-26T15:59:46</Ngay_TN_CTS>
      <Ngay_BN>2014-09-26</Ngay_BN>
      <Ngay_BC>2014-09-26</Ngay_BC>
      <Ngay_CT>2014-09-26</Ngay_CT>
      <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
      <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
      <GNT_CT>
        <TTButToan>1</TTButToan>
        <Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
        <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
        <Nam_DK>2012</Nam_DK>
        <So_TK>30</So_TK>
        <Ma_LT>1</Ma_LT>
        <TK_CT>
          <Ma_ST>NK</Ma_ST>
          <NDKT>1901</NDKT>
          <Ma_NT>USD</Ma_NT>
          <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>
          <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
          <SoTien>12345678</SoTien>
        </TK_CT>
        <TK_CT>
          <Ma_ST>NK</Ma_ST>
          <NDKT>1901</NDKT>
          <Ma_NT>USD</Ma_NT>
          <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>
          <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
          <SoTien>12345678</SoTien>
        </TK_CT>
      </GNT_CT>
    </Transaction>
  </Data>
</CUSTOMS>
```

```

    </GNT_CT>
  </Transaction>
<Transaction>
  <Transaction_ID>07d55636-4762-41ef-91fa-98ada7ce8532</Transaction_ID>
  <So_TN_CT>Z00Z140000002100</So_TN_CT>
  <Ngay_TN_CT>2014-09-26T09:49:06</Ngay_TN_CT>
  <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
  <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
  <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
  <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
  <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
  <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
  <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
  <Ma_KB>2411</Ma_KB>
  <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Son</Ten_KB>
  <TKKB>7111</TKKB>
  <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
  <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
  <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
  <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
  <So_CT>66907</So_CT>
  <Loai_CT>21</Loai_CT>
  <So_TN_CTS>TCHO_001112</So_TN_CTS>
  <Ngay_TN_CTS>2014-09-26T15:59:46</Ngay_TN_CTS>
  <Ngay_BN>2014-09-26</Ngay_BN>
  <Ngay_BC>2014-09-26</Ngay_BC>
  <Ngay_CT>2014-09-26</Ngay_CT>
  <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
  <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
  <GNT_CT>
    <TTButToan>1</TTButToan>
    <Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
    <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
    <Nam_DK>2012</Nam_DK>
    <So_TK>30</So_TK>
    <Ma_LT>1</Ma_LT>
    <TK_CT>
      <Ma_ST>NK</Ma_ST>
      <NDKT>1901</NDKT>
      <Ma_NT>USD</Ma_NT>
      <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>
      <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
      <SoTien>12345678</SoTien>
    </TK_CT>
    <TK_CT>
      <Ma_ST>NK</Ma_ST>
      <NDKT>1901</NDKT>
      <Ma_NT>USD</Ma_NT>
      <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>
      <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
      <SoTien>12345678</SoTien>
    </TK_CT>
  </GNT_CT>
</Transaction>
</Data>
<Security>
  <Signature>I40F9kAneHuSGfX0ozi7A84Z6Ibm1EIFNGxmE0fUAjzqm7/tBYsGiTKjazzJsHU+H330pD8Dr64
  QvwIr/XivUyPd/+z5DK4G3Qbes2dgSeutTN6TR6DI8RfApDaOhgd+jr7En18oUHS2Ud0GR1L0Lz0WEGbTcYJAC
  JZV26fAZUwSy0M1hTQxyQkiXXnMYGzPnKVkMcbJ0Go0LIzfZtWGXzoFppIIA167t6gLv1F710fgEtgnYc9D3SXB
  KW2h10/a+hmuL3sOdWjIdnZAPghGRyqUY+dj+toMVQ1LwAlNxTJpK7+GQZzQ51cTQKG9dbRg5TMJg7nsrh/u0I
  PRw2MNNwg==</Signature>
</Security>
</CUSTOMS>

```

## 2.15. Thông điệp M50

```

<CUSTOMS>
  <Header>
    <Message_Version>2.0</Message_Version>
    <Sender_Code>12345678</Sender_Code>
    <Sender_Name>Ngân hàng XYZ</Sender_Name>
    <Transaction_Type>50</Transaction_Type>
    <Transaction_Name>Thông điệp kết quả đối chiếu dữ liệu nộp thuế bằng ngoại tệ cho
nhiều tờ khai thành công</Transaction_Name>
    <Transaction_Date>2014-09-26T15:59:46</Transaction_Date>
    <Transaction_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Transaction_ID>
    <Request_ID>a3df9845-16e0-4d4e-a9eb-ef5adac599f7</Request_ID>
  </Header>
  <Data>
    <Transaction>
      <Transaction_ID>07d55636-4762-41ef-91fa-98ada7ce8532</Transaction_ID>
      <So_TN_CT>2002140000002100</So_TN_CT>
      <Ngày_TN_CT>2014-09-26T09:49:06</Ngày_TN_CT>
      <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
      <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
      <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
      <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
      <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
      <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
      <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
      <Ma_KB>2411</Ma_KB>
      <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Sơn</Ten_KB>
      <TKKB>7111</TKKB>
      <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
      <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
      <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
      <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
      <So_CT>66907</So_CT>
      <Loai_CT>21</Loai_CT>
      <So_TN_CTS>TCHQ_001112</So_TN_CTS>
      <Ngày_TN_CTS>2014-09-26T15:59:46</Ngày_TN_CTS>
      <Ngày_BN>2014-09-26</Ngày_BN>
      <Ngày_BC>2014-09-26</Ngày_BC>
      <Ngày_CT>2014-09-26</Ngày_CT>
      <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
      <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
      <GNT_CT>
        <TTButToan>1</TTButToan>
        <Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
        <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
        <Nam_DK>2012</Nam_DK>
        <So_TK>30</So_TK>
        <Ma_LT>1</Ma_LT>
        <TK_CT>
          <Ma_ST>NK</Ma_ST>
          <NDKT>1901</NDKT>
          <Ma_NT>USD</Ma_NT>
          <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>
          <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
          <SoTien>12345678</SoTien>
        </TK_CT>
        <TK_CT>
          <Ma_ST>NK</Ma_ST>
          <NDKT>1901</NDKT>
          <Ma_NT>USD</Ma_NT>
          <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>
          <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
          <SoTien>12345678</SoTien>
        </TK_CT>
      </GNT_CT>
    </Transaction>
  </Data>

```

```
</TK_CT>
</GNT_CT>
<KQ_DC></KQ_DC>
</Transaction>
<Transaction>
  <Transaction_ID>07d55636-4762-41ef-91fa-98ada7ce8532</Transaction_ID>
  <So_TN_CT>Z00Z140000002100</So_TN_CT>
  <Ngay_TN_CT>2014-09-26T09:49:06</Ngay_TN_CT>
  <Ma_NH_PH>01203001</Ma_NH_PH>
  <Ten_NH_PH>SGD Vietcombank</Ten_NH_PH>
  <Ma_NH_TH>87654321</Ma_NH_TH>
  <Ten_NH_TH>NH zxy</Ten_NH_TH>
  <Ma_DV>0101144801</Ma_DV>
  <Ma_Chuong>158</Ma_Chuong>
  <Ten_DV>Cong ty TNHH Kinh doanh DV thông tin và chuyên giao công nghệ</Ten_DV>
  <Ma_KB>2411</Ma_KB>
  <Ten_KB>Van Phong KBNN Lang Son</Ten_KB>
  <TKKB>7111</TKKB>
  <Ma_NTK>1</Ma_NTK>
  <Ma_HQ_PH>02AB</Ma_HQ_PH>
  <Ma_HQ_CQT>1234567</Ma_HQ_CQT>
  <KyHieu_CT>TEST014269</KyHieu_CT>
  <So_CT>66907</So_CT>
  <Loai_CT>21</Loai_CT>
  <So_TN_CTS>TCHQ_001112</So_TN_CTS>
  <Ngay_TN_CTS>2014-09-26T15:59:46</Ngay_TN_CTS>
  <Ngay_BN>2014-09-26</Ngay_BN>
  <Ngay_BC>2014-09-26</Ngay_BC>
  <Ngay_CT>2014-09-26</Ngay_CT>
  <SoTien_TO>1234567</SoTien_TO>
  <DienGiai>Chung tu so 66907</DienGiai>
  <GNT_CT>
    <TTButToan>1</TTButToan>
    <Ma_HQ>A01B</Ma_HQ>
    <Ma_LH>NKD01</Ma_LH>
    <Nam_DK>2012</Nam_DK>
    <So_TK>30</So_TK>
    <Ma_LT>1</Ma_LT>
    <TK_CT>
      <Ma_ST>NK</Ma_ST>
      <NDKT>1901</NDKT>
      <Ma_NT>USD</Ma_NT>
      <Ty_Gia>21.1</Ty_Gia>
      <SoTien_NT>123456</SoTien_NT>
      <SoTien>12345678</SoTien>
    </TK_CT>
  </GNT_CT>
  <KQ_DC></KQ_DC>
</Transaction>
</Data>
<Error>
  <Error_Number>0</Error_Number>
  <Error_Message>giao dịch thành công</Error_Message>
</Error>
<Security>
```

```

<Signature>I40F9kAneHuSGfX0ozi7A84Z6IbM1EIFNGxmE0fUAjzqM7/tBYsG1TKjzsJsHU+H330pD8Dr64
QvwIr/XivUyPd/+z5DK4G3Qbes2dgSeutTN6TR6DI8RfApDaOhgd+jr7En18oUHS2Ud0GR1L0Lz0WEGbTcYJAC
JZV26fAZUwSy0M1hTQxyQk1XXnMYGzPnKVkMCbJ0Go0LI fZtWGxzoFppIIAi67t6gLv1F7i0fgEtgnYc9D3SXB
KW2hl0/a+hmuL3sOdWjIdnZAPghGRyqUY+dj+toMVQ1LwA1NxtJpK7+GQZzQ51cTQKG9dbRg5TMJg7nsrh/u0I
PRw2MNnwg==</Signature>
</Security>
</CUSTOMS>

```

### Phần 3. CẤU TRÚC CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN TRONG THÔNG ĐIỆP TRAO ĐỔI THÔNG TIN

| Thông điệp truy vấn thông tin bảo lãnh chung (M13) |                  |   |          |     |   |                                                |
|----------------------------------------------------|------------------|---|----------|-----|---|------------------------------------------------|
| 1                                                  | CUSTOMS          | 1 |          |     |   |                                                |
| 2                                                  | Header           | 2 |          |     |   |                                                |
| 3                                                  | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5   | x | Phiên bản thông điệp (2.0)                     |
| 4                                                  | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng (Mã hội sở chính)          |
| 5                                                  | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng                           |
| 6                                                  | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x | Loại thông điệp (13)                           |
| 7                                                  | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                 |
| 8                                                  | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss |
| 9                                                  | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch                                   |
| 10                                                 | Data             | 2 |          |     |   |                                                |
| 11                                                 | Ma_DV            | 3 | Varchar  | 14  | x | Mã số thuế của doanh nghiệp xuất nhập khẩu     |
| 12                                                 | So_CT            | 3 | Varchar  | 10  | x | Số chứng từ bảo lãnh chung                     |
| 13                                                 | KyHieu_CT        | 3 | Varchar  | 10  | x | Ký hiệu chứng từ bảo lãnh chung                |
| 14                                                 | Security         | 2 |          |     |   |                                                |
| 15                                                 | Signature        | 3 | Varchar  | 500 | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data        |

| Kết quả truy vấn thông tin bảo lãnh chung (M14) |                  |   |         |     |   |                            |
|-------------------------------------------------|------------------|---|---------|-----|---|----------------------------|
| 1                                               | CUSTOMS          | 1 |         |     |   |                            |
| 2                                               | Header           | 2 |         |     |   |                            |
| 3                                               | Message_Version  | 3 | Varchar | 5   | x | Phiên bản thông điệp (2.0) |
| 4                                               | Sender_Code      | 3 | Varchar | 11  | x | 99999999                   |
| 5                                               | Sender_Name      | 3 | Varchar | 255 | x | Tổng cục Hải quan          |
| 6                                               | Transaction_Type | 3 | Number  | 2   | x | Loại thông điệp (14)       |

|    |                    |                  |   |          |      |   |                                                |
|----|--------------------|------------------|---|----------|------|---|------------------------------------------------|
| 7  |                    | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255  | x | Tên thông điệp                                 |
| 8  |                    | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19   | x | YYYY-MM-DDThh:mm:ss                            |
| 9  |                    | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40   | x | Mã giao dịch do hệ thống TCHQ cấp              |
| 10 |                    | Request_ID       | 3 | Varchar  | 40   | x | Mã giao dịch do tổ chức tín dụng cấp           |
| 11 | <b>Data</b>        |                  | 2 |          |      |   |                                                |
| 12 |                    | Ma_DV            | 3 | Varchar  | 14   | x | Mã đơn vị XNK                                  |
| 13 |                    | So_CT            | 3 | Varchar  | 10   | x | Số chứng từ bảo lãnh chung                     |
| 14 |                    | KyHieu_CT        | 3 | Varchar  | 10   | x | Ký hiệu chứng từ bảo lãnh chung                |
| 15 |                    | Ngay_CT          | 3 | Date     | 10   | x | Ngày chứng từ                                  |
| 16 |                    | Ngay_HL          | 3 | Date     | 10   | x | Ngày hiệu lực                                  |
| 17 |                    | Ngay_HHL         | 3 | Date     | 10   | x | Ngày hết hiệu lực                              |
| 18 |                    | HanMuc           | 3 | Number   | 20,4 | x | Hạn mức                                        |
| 19 |                    | SoDu             | 3 | Number   | 20,4 | x | Số dư                                          |
| 20 | <b>ChiTiet_BLC</b> |                  | 3 |          |      |   | <b>Lặp lại nhiều lần</b>                       |
| 21 |                    | So_TK            | 4 | Varchar  | 15   |   | Số tờ khai sử dụng bảo lãnh                    |
| 22 |                    | Ngay_DK          | 4 | Date     | 10   |   | Ngày đăng ký của tờ khai sử dụng bảo lãnh      |
| 23 |                    | So_SD            | 4 | Number   | 20,4 |   | Số sử dụng                                     |
| 24 |                    | So_PH            | 4 | Number   | 20,4 |   | Phục hồi                                       |
| 25 | <b>Error</b>       |                  | 2 |          |      |   |                                                |
| 26 |                    | Error_Number     | 3 | Number   | 4    | x | Mã lỗi                                         |
| 27 |                    | Error_Message    | 3 | Varchar  | 255  | x | Nội dung lỗi                                   |
| 28 | <b>Security</b>    |                  | 2 |          |      |   |                                                |
| 29 |                    | Signature        | 3 | Varchar  | 500  | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data, Error |

| Thông điệp truy vấn thông tin danh mục (M15) |                |                  |   |         |     |   |                                       |
|----------------------------------------------|----------------|------------------|---|---------|-----|---|---------------------------------------|
| 1                                            | <b>CUSTOMS</b> |                  | 1 |         |     |   |                                       |
| 2                                            | <b>Header</b>  |                  | 2 |         |     |   |                                       |
| 3                                            |                | Message_Version  | 3 | Varchar | 5   | x | Phiên bản thông điệp (2.0)            |
| 4                                            |                | Sender_Code      | 3 | Varchar | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng (Mã hội sở chính) |
| 5                                            |                | Sender_Name      | 3 | Varchar | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng                  |
| 6                                            |                | Transaction_Type | 3 | Number  | 2   | x | Loại thông điệp (15)                  |

|    |                 |                  |   |          |     |   |                                                |
|----|-----------------|------------------|---|----------|-----|---|------------------------------------------------|
| 7  |                 | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                 |
| 8  |                 | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss |
| 9  |                 | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch                                   |
| 10 | <b>Data</b>     |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 11 |                 | Loai_DM          | 3 | Varchar  | 2   | x | Loại danh mục (HQ, LH, KB, DV)                 |
| 12 |                 | Ma_DV            | 3 | Varchar  | 14  |   | Để trống nếu chỉ tiêu Loai_DM không phải là DV |
| 13 | <b>Security</b> |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 14 |                 | Signature        | 3 | Varchar  | 500 | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data        |

| Thông điệp trả lời thông tin danh mục hải quan (M16) |                 |                  |   |          |     |   |                                                |
|------------------------------------------------------|-----------------|------------------|---|----------|-----|---|------------------------------------------------|
| 1                                                    | <b>CUSTOMS</b>  |                  | 1 |          |     |   |                                                |
| 2                                                    | <b>Header</b>   |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 3                                                    |                 | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5   | x | Phiên bản thông điệp (2.0)                     |
| 4                                                    |                 | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x | 999999999                                      |
| 5                                                    |                 | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tổng cục Hải quan                              |
| 6                                                    |                 | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | X | Loại thông điệp (16)                           |
| 7                                                    |                 | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                 |
| 8                                                    |                 | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | YYYY-MM-DDThh:mm:ss                            |
| 9                                                    |                 | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch do hệ thống TCHQ cấp              |
| 10                                                   |                 | Request_ID       | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch do tổ chức tín dụng cấp           |
| 11                                                   | <b>Data</b>     |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 12                                                   | <b>Item</b>     |                  | 3 |          |     |   | Lặp lại nhiều lần                              |
|                                                      |                 | Ma_HQ            | 4 | Varchar  | 6   | x | Mã hải quan                                    |
|                                                      |                 | Ten_HQ           | 4 | Varchar  | 50  | x | Tên hải quan                                   |
| 13                                                   |                 | Ma_Cu            | 4 | Varchar  | 6   | x | Mã cũ                                          |
| 14                                                   |                 | Ma_QHNS          | 4 | Varchar  | 7   | x | Mã quan hệ ngân sách                           |
| 16                                                   | <b>Error</b>    |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 17                                                   |                 | Error_Number     | 3 | Number   | 4   | x | Mã lỗi                                         |
| 18                                                   |                 | Error_Message    | 3 | Varchar  | 255 | x | Nội dung lỗi                                   |
| 19                                                   | <b>Security</b> |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 20                                                   |                 | Signature        | 3 | Varchar  | 500 | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data, Error |

| Thông điệp trả lời thông tin danh mục kho bạc (M17) |                 |                  |   |          |       |                                                |
|-----------------------------------------------------|-----------------|------------------|---|----------|-------|------------------------------------------------|
| 1                                                   | <b>CUSTOMS</b>  |                  | 1 |          |       |                                                |
| 2                                                   | <b>Header</b>   |                  | 2 |          |       |                                                |
| 3                                                   |                 | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5 x   | Phiên bản thông điệp (2.0)                     |
| 4                                                   |                 | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11 x  | 999999999                                      |
| 5                                                   |                 | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 x | Tổng cục Hải quan                              |
| 6                                                   |                 | Transaction_Type | 3 | Number   | 2 x   | Loại thông điệp (17)                           |
| 7                                                   |                 | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 x | Tên thông điệp                                 |
| 8                                                   |                 | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19 x  | YYYY-MM-DDThh:mm:ss                            |
| 9                                                   |                 | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40 x  | Mã giao dịch do hệ thống TCHQ cấp              |
| 10                                                  |                 | Request_ID       | 3 | Varchar  | 40 x  | Mã giao dịch do tổ chức tín dụng cấp           |
| 11                                                  | <b>Data</b>     |                  | 2 |          |       |                                                |
| 12                                                  | <b>Item</b>     |                  | 3 |          |       | Lặp lại nhiều lần                              |
| 13                                                  |                 | Ma_KB            | 4 | Varchar  | 4 x   | Mã Kho bạc                                     |
| 14                                                  |                 | Ten_KB           | 4 | Varchar  | 250 x | Tên kho bạc                                    |
| 15                                                  | <b>Error</b>    |                  | 2 |          |       |                                                |
| 16                                                  |                 | Error_Number     | 3 | Number   | 4 x   | Mã lỗi                                         |
| 17                                                  |                 | Error_Message    | 3 | Varchar  | 255 x | Nội dung lỗi                                   |
| 18                                                  | <b>Security</b> |                  | 2 |          |       |                                                |
| 19                                                  |                 | Signature        | 3 | Varchar  | 500 x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data, Error |

| Thông điệp trả lời thông tin danh mục loại hình (M18) |                |                  |   |          |       |                            |
|-------------------------------------------------------|----------------|------------------|---|----------|-------|----------------------------|
| 1                                                     | <b>CUSTOMS</b> |                  | 1 |          |       |                            |
| 2                                                     | <b>Header</b>  |                  | 2 |          |       |                            |
| 3                                                     |                | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5 x   | Phiên bản thông điệp (2.0) |
| 4                                                     |                | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11 x  | 999999999                  |
| 5                                                     |                | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 x | Tổng cục Hải quan          |
| 6                                                     |                | Transaction_Type | 3 | Number   | 2 x   | Loại thông điệp (18)       |
| 7                                                     |                | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 x | Tên thông điệp             |
| 8                                                     |                | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19 x  | YYYY-MM-DDThh:mm:ss        |

|    |                 |                |   |         |     |   |                                                |
|----|-----------------|----------------|---|---------|-----|---|------------------------------------------------|
| 9  |                 | Transaction_ID | 3 | Varchar | 40  | x | Mã giao dịch do hệ thống TCHQ cấp              |
| 10 |                 | Request_ID     | 3 | Varchar | 40  | x | Mã giao dịch do tổ chức tín dụng cấp           |
| 11 | <b>Data</b>     |                | 2 |         |     |   |                                                |
| 12 | <b>Item</b>     |                | 3 |         |     |   | Lặp lại nhiều lần                              |
| 13 |                 | Ma_LH          | 4 | Varchar | 4   | x | Mã loại hình                                   |
| 14 |                 | Ten_LH         | 4 | Varchar | 250 | x | Tên loại hình                                  |
| 15 |                 | SN_AH          | 4 | Number  | 5   | x | Số ngày ân hạn                                 |
| 16 | <b>Error</b>    |                | 2 |         |     |   |                                                |
| 17 |                 | Error_Number   | 3 | Number  | 4   | x | Mã lỗi                                         |
| 18 |                 | Error_Message  | 3 | Varchar | 255 | x | Nội dung lỗi                                   |
| 19 | <b>Security</b> |                | 2 |         |     |   |                                                |
| 20 |                 | Signature      | 3 | Varchar | 500 | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data, Error |

| Thông điệp trả lời thông tin doanh nghiệp xuất nhập khẩu (M19) |                |                  |   |          |     |   |                                      |
|----------------------------------------------------------------|----------------|------------------|---|----------|-----|---|--------------------------------------|
| 1                                                              | <b>CUSTOMS</b> |                  | 1 |          |     |   |                                      |
| 2                                                              | <b>Header</b>  |                  | 2 |          |     |   |                                      |
| 3                                                              |                | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5   | x | Phiên bản thông điệp (2.0)           |
| 4                                                              |                | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x | 99999999                             |
| 5                                                              |                | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tổng cục Hải quan                    |
| 6                                                              |                | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x | Loại thông điệp (19)                 |
| 7                                                              |                | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                       |
| 8                                                              |                | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | YYYY-MM-DDThh:mm:ss                  |
| 9                                                              |                | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch do hệ thống TCHQ cấp    |
| 10                                                             |                | Request_ID       | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch do tổ chức tín dụng cấp |
| 11                                                             | <b>Data</b>    |                  | 2 |          |     |   |                                      |
| 12                                                             |                | Ma_DV            | 3 | Varchar  | 14  | x | Mã đơn vị XNK                        |
| 13                                                             |                | Ma_Chuong        | 3 | Number   | 3   | x | Mã chương ngân sách của đơn vị XNK   |
| 14                                                             |                | Ten_DV           | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên đơn vị XNK                       |
| 15                                                             |                | DiaChi           | 3 | Varchar  | 255 | x | Địa chỉ của đơn vị XNK               |

|    |                 |               |   |         |     |                                                  |
|----|-----------------|---------------|---|---------|-----|--------------------------------------------------|
| 16 | <b>Error</b>    |               | 2 |         |     |                                                  |
| 17 |                 | Error_Number  | 3 | Number  | 4   | x Mã lỗi                                         |
| 18 |                 | Error_Message | 3 | Varchar | 255 | x Nội dung lỗi                                   |
| 19 | <b>Security</b> |               | 2 |         |     |                                                  |
| 20 |                 | Signature     | 3 | Varchar | 500 | x Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data, Error |

| Thông điệp điều chỉnh thông điệp nộp thuế bằng VNĐ của tổ chức tín dụng (M24) |                |                  |   |          |     |                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|---|----------|-----|---------------------------------------------------------|
| 1                                                                             | <b>CUSTOMS</b> |                  | 1 |          |     |                                                         |
| 2                                                                             | <b>Header</b>  |                  | 2 |          |     |                                                         |
| 3                                                                             |                | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5   | x Phiên bản thông điệp (2.0)                            |
| 4                                                                             |                | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x Mã tổ chức tín dụng (Mã hội sở chính)                 |
| 5                                                                             |                | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x Tên tổ chức tín dụng                                  |
| 6                                                                             |                | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x Loại thông điệp (24)                                  |
| 7                                                                             |                | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x Tên thông điệp                                        |
| 8                                                                             |                | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss        |
| 9                                                                             |                | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x Mã giao dịch                                          |
| 10                                                                            | <b>Data</b>    |                  | 2 |          |     |                                                         |
| 11                                                                            |                | Ma_NH_PH         | 3 | Varchar  | 11  | x Mã tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                |
| 12                                                                            |                | Ten_NH_PH        | 3 | Varchar  | 255 | x Tên tổ chức tín dụng phát hành chứng từ               |
| 13                                                                            |                | Ma_NH_TH         | 3 | Varchar  | 11  | x Mã tổ chức tín dụng thụ hưởng                         |
| 14                                                                            |                | Ten_NH_TH        | 3 | Varchar  | 255 | x Tên tổ chức tín dụng thụ hưởng                        |
| 15                                                                            |                | Ma_DV            | 3 | Varchar  | 14  | x Mã đơn vị XNK                                         |
| 16                                                                            |                | Ma_Chuong        | 3 | Number   | 3   | x Mã chương ngân sách của đơn vị XNK                    |
| 17                                                                            |                | Ten_DV           | 3 | Varchar  | 255 | x Tên đơn vị XNK                                        |
| 18                                                                            |                | Ma_HQ_PH         | 3 | Varchar  | 6   | x Mã đơn vị Hải quan phát hành chứng từ                 |
| 19                                                                            |                | Ma_HQ_CQT        | 3 | Varchar  | 7   | x Mã quan hệ ngân sách của đơn vị HQ phát hành chứng từ |
| 20                                                                            |                | Ma_HQ            | 3 | Varchar  | 6   | x Mã đơn vị Hải quan nơi mở tờ khai                     |

|    |  |             |   |          |      |   |                                                                                    |
|----|--|-------------|---|----------|------|---|------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 |  | Ma_LH       | 3 | Varchar  | 5    | x | Mã loại hình XNK                                                                   |
| 22 |  | So_TK       | 3 | Varchar  |      | x | Số tờ khai hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính                              |
| 23 |  | Ngay_DK     | 3 | Date     | 10   | x | Năm đăng ký của tờ khai                                                            |
| 24 |  | Ma_LT       | 3 | Number   | 2    | x | Mã loại tiền                                                                       |
| 25 |  | Ma_NTK      | 3 | Number   | 1    | x | Mã nhóm tài khoản                                                                  |
| 26 |  | Loai_CT     | 3 | Number   | 2    | x | Loại chứng từ                                                                      |
| 27 |  | So_TN_CTS   | 3 | Varchar  | 40   |   | Số tiếp nhận của chứng từ yêu cầu sửa (bắt buộc trong trường hợp Loai_CT là sửa)   |
| 28 |  | Ngay_TN_CTS | 3 | DateTime | 19   |   | Ngày tiếp nhận của chứng từ yêu cầu sửa (bắt buộc trong trường hợp Loai_CT là sửa) |
| 29 |  | KyHieu_CT   | 3 | Varchar  | 10   | x | Ký hiệu chứng từ                                                                   |
| 30 |  | So_CT       | 3 | Varchar  | 10   | x | Số chứng từ                                                                        |
| 31 |  | TTButToan   | 3 | Number   | 3    | x | Thứ tự bút toán (giá trị lớn nhất 127)                                             |
| 32 |  | Ma_KB       | 3 | Varchar  | 5    | x | Mã kho bạc                                                                         |
| 33 |  | Ten_KB      | 3 | Varchar  | 255  | x | Tên KB nơi HQ mở tài khoản                                                         |
| 34 |  | TKKB        | 3 | Varchar  | 15   | x | Tài khoản kho bạc                                                                  |
| 35 |  | TKKB_CT     | 3 | Varchar  | 15   | x | Tài khoản kho bạc chuyển tiền (do người nộp thuế cung cấp)                         |
| 36 |  | Ngay_BN     | 3 | Date     | 10   | x | Ngày báo nợ                                                                        |
| 37 |  | Ngay_BC     | 3 | Date     | 10   | x | Ngày báo có                                                                        |
| 38 |  | Ngay_CT     | 3 | Date     | 10   | x | Ngày chứng từ                                                                      |
| 39 |  | DienGiai    | 3 | Varchar  | 255  | x | Diễn giải                                                                          |
| 40 |  | Khoan_XK    | 3 | Number   | 3    | X | Khoản sắc thuế xuất khẩu                                                           |
| 41 |  | TieuMuc_XK  | 3 | Number   | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế xuất khẩu                                                        |
| 42 |  | DuNo_XK     | 3 | Number   | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế xuất khẩu                                                           |
| 43 |  | Khoan_NK    | 3 | Number   | 3    | x | Khoản sắc thuế nhập khẩu                                                           |
| 44 |  | TieuMuc_NK  | 3 | Number   | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế nhập khẩu                                                        |
| 45 |  | DuNo_NK     | 3 | Number   | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế nhập khẩu                                                           |
| 46 |  | Khoan_VA    | 3 | Number   | 3    | x | Khoản sắc thuế VAT                                                                 |
| 47 |  | TieuMucVA   | 3 | Number   | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế VAT                                                              |
| 48 |  | DuNo_VA     | 3 | Number   | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế VAT                                                                 |
| 49 |  | Khoan_TD    | 3 | Number   | 3    | x | Khoản sắc thuế tiêu thụ đặc biệt                                                   |

|    |                 |            |   |         |      |   |                                           |
|----|-----------------|------------|---|---------|------|---|-------------------------------------------|
| 50 |                 | TieuMuc_TD | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế tiêu thụ đặc biệt       |
| 51 |                 | DuNo_TD    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế tiêu thụ đặc biệt          |
| 52 |                 | Khoan_TV   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế tự vệ chống bán phá giá    |
| 53 |                 | TieuMuc_TV | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế tự vệ chống bán phá giá |
| 54 |                 | DuNo_TV    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế tự vệ chống bán phá giá    |
| 55 |                 | Khoan_MT   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế môi trường                 |
| 56 |                 | TieuMuc_MT | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế môi trường              |
| 57 |                 | DuNo_MT    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế môi trường                 |
| 58 |                 | Khoan_KH   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế khác                       |
| 59 |                 | TieuMuc_KH | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế khác                    |
| 60 |                 | DuNo_KH    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế khác                       |
| 61 |                 | DuNo_TO    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ tổng cộng                           |
| 62 | <b>Security</b> |            | 2 |         |      |   |                                           |
| 63 |                 | Signature  | 3 | Varchar | 500  | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data   |

| Thông điệp điều chỉnh thông điệp nộp thuế bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng (M25) |                |                  |   |          |     |   |                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|---|----------|-----|---|------------------------------------------------|
| 1                                                                                  | <b>CUSTOMS</b> |                  | 1 |          |     |   |                                                |
| 2                                                                                  | <b>Header</b>  |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 3                                                                                  |                | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5   | x | Phiên bản thông điệp (2.0)                     |
| 4                                                                                  |                | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã ngân hàng (Mã hội sở chính)                 |
| 5                                                                                  |                | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên ngân hàng                                  |
| 6                                                                                  |                | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x | Loại thông điệp (25)                           |
| 7                                                                                  |                | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                 |
| 8                                                                                  |                | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  |   | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss |
| 9                                                                                  |                | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch                                   |
| 10                                                                                 | <b>Data</b>    |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 11                                                                                 |                | Ma_NH_PH         | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng phát hành chứng từ         |
| 12                                                                                 |                | Ten_NH_PH        | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng phát hành                 |

|    |  |             |   |          |       |                                                                                    |
|----|--|-------------|---|----------|-------|------------------------------------------------------------------------------------|
|    |  |             |   |          |       | chứng từ                                                                           |
| 13 |  | Ma_NH_TH    | 3 | Varchar  | 11 x  | Mã tổ chức tín dụng thụ hưởng                                                      |
| 14 |  | Ten_NH_TH   | 3 | Varchar  | 255 x | Tên tổ chức tín dụng thụ hưởng                                                     |
| 15 |  | Ma_DV       | 3 | Varchar  | 14 x  | Mã đơn vị XNK                                                                      |
| 16 |  | Ma_Chuong   | 3 | Number   | 3 x   | Mã chương ngân sách của đơn vị XNK                                                 |
| 17 |  | Ten_DV      | 3 | Varchar  | 255 x | Tên đơn vị XNK                                                                     |
| 18 |  | Ma_HQ_PH    | 3 | Varchar  | 6 x   | Mã đơn vị Hải quan phát hành chứng từ                                              |
| 19 |  | Ma_HQ_CQT   | 3 | Varchar  | 7 x   | Mã quan hệ ngân sách của đơn vị HQ phát hành chứng từ                              |
| 20 |  | Ma_HQ       | 3 | Varchar  | 6 x   | Mã đơn vị Hải quan nơi mở tờ khai                                                  |
| 21 |  | Ma_LH       | 3 | Varchar  | 5 x   | Mã loại hình XNK                                                                   |
| 22 |  | So_TK       | 3 | Varchar  | 15 x  | Số tờ khai hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính                              |
| 23 |  | Ngay_DK     | 3 | Date     | 10 x  | Năm đăng ký của tờ khai                                                            |
| 24 |  | Ma_LT       | 3 | Number   | 2 x   | Mã loại tiền                                                                       |
| 25 |  | Ma_NTK      | 3 | Number   | 1 x   | Mã nhóm tài khoản                                                                  |
| 26 |  | Loai_CT     | 3 | Number   | 2 x   | Loại Chứng từ                                                                      |
| 27 |  | So_TN_CTS   | 3 | Varchar  | 40    | Số tiếp nhận của chứng từ yêu cầu sửa (bắt buộc trong trường hợp Loai_CT là sửa)   |
| 28 |  | Ngay_TN_CTS | 3 | DateTime | 19    | Ngày tiếp nhận của chứng từ yêu cầu sửa (bắt buộc trong trường hợp Loai_CT là sửa) |
| 29 |  | KyHieu_CT   | 3 | Varchar  | 10 x  | Ký hiệu chứng từ                                                                   |
| 30 |  | So_CT       | 3 | Varchar  | 10 x  | Số chứng từ                                                                        |
| 31 |  | TTButToan   | 3 | Number   | 3 x   | Thứ tự bút toán (giá trị lớn nhất 127)                                             |
| 32 |  | Ma_KB       | 3 | Varchar  | 5 x   | Mã kho bạc                                                                         |
| 33 |  | Ten_KB      | 3 | Varchar  | 255 x | Tên KB nơi HQ mở tài khoản                                                         |
| 34 |  | TKKB        | 3 | Varchar  | 15 x  | Tài khoản kho bạc                                                                  |
| 35 |  | TKKB_CT     | 3 | Varchar  | 15 x  | Tài khoản kho bạc chuyển tiền (do người nộp thuế cung cấp)                         |
| 36 |  | Ngay_BN     | 3 | Date     | 10 x  | Ngày báo nợ                                                                        |
| 37 |  | Ngay_BC     | 3 | Date     | 10 x  | Ngày báo có                                                                        |
| 38 |  | Ngay_CT     | 3 | Date     | 10 x  | Ngày chứng từ                                                                      |

|    |            |   |         |      |   |                                                       |
|----|------------|---|---------|------|---|-------------------------------------------------------|
| 39 | Ma_NT      | 3 | Varchar | 3    | x | Mã nguyên tệ (danh mục)                               |
| 40 | Ty_Gia     | 3 | Number  | 20,4 | x | Tỷ giá nguyên tệ                                      |
| 41 | DienGiai   | 3 | Varchar | 255  | x | Diễn giải                                             |
| 42 | Khoan_XK   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế xuất khẩu                              |
| 43 | TieuMuc_XK | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế xuất khẩu                           |
| 44 | DuNo_NT_XK | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế xuất khẩu bằng nguyên tệ               |
| 45 | DuNo_XK    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế xuất khẩu                              |
| 46 | Khoan_NK   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế nhập khẩu                              |
| 47 | TieuMuc_NK | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế nhập khẩu                           |
| 48 | DuNo_NT_NK | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế nhập khẩu bằng nguyên tệ               |
| 49 | DuNo_NK    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế nhập khẩu                              |
| 50 | Khoan_VA   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế VAT                                    |
| 51 | TieuMuc_VA | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế VAT                                 |
| 52 | DuNo_NT_VA | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế VAT bằng nguyên tệ                     |
| 53 | DuNo_VA    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế VAT                                    |
| 54 | Khoan_TD   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế tiêu thụ đặc biệt                      |
| 55 | TieuMuc_TD | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế tiêu thụ đặc biệt                   |
| 56 | DuNo_NT_TD | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế tiêu thụ đặc biệt bằng nguyên tệ       |
| 57 | DuNo_TD    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế tiêu thụ đặc biệt                      |
| 58 | Khoan_TV   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế tự vệ chống bán phá giá                |
| 59 | TieuMuc_TV | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế tự vệ chống bán phá giá             |
| 60 | DuNo_NT_TV | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế tự vệ chống bán phá giá bằng nguyên tệ |
| 61 | DuNo_TV    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế tự vệ chống bán phá giá                |
| 62 | Khoan_MT   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế môi trường                             |
| 63 | TieuMuc_MT | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế môi trường                          |
| 64 | DuNo_NT_MT | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế môi trường bằng nguyên tệ              |
| 65 | DuNo_MT    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế môi trường                             |

|    |                 |            |   |         |      |   |                                         |
|----|-----------------|------------|---|---------|------|---|-----------------------------------------|
| 66 |                 | Khoan_KH   | 3 | Number  | 3    | x | Khoản sắc thuế khác                     |
| 67 |                 | TieuMuc_KH | 3 | Number  | 4    | x | Tiểu mục sắc thuế khác                  |
| 68 |                 | DuNo_NT_KH | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế khác bằng nguyên tệ      |
| 69 |                 | DuNo_KH    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ sắc thuế khác                     |
| 70 |                 | DuNo_NT_TO | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ tổng cộng bằng nguyên tệ          |
| 71 |                 | DuNo_TO    | 3 | Number  | 20,4 | x | Dư nợ tổng cộng bằng VNĐ                |
| 72 | <b>Security</b> |            | 2 |         |      |   |                                         |
| 73 |                 | Signature  | 3 | Varchar | 500  | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data |

| Thông điệp xác nhận nộp tiền cho nhiều tờ khai bằng VNĐ của tổ chức tín dụng (M26) |                |                  |   |          |     |   |                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|---|----------|-----|---|------------------------------------------------|
| 1                                                                                  | <b>CUSTOMS</b> |                  | 1 |          |     |   |                                                |
| 2                                                                                  | <b>Header</b>  |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 3                                                                                  |                | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5   | X | Phiên bản thông điệp (2.0)                     |
| 4                                                                                  |                | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng (Mã hội sở chính)          |
| 5                                                                                  |                | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng                           |
| 6                                                                                  |                | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x | Loại thông điệp (26)                           |
| 7                                                                                  |                | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                 |
| 8                                                                                  |                | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss |
| 9                                                                                  |                | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch                                   |
| 10                                                                                 | <b>Data</b>    |                  | 2 |          |     |   |                                                |
| 11                                                                                 |                | Ma_NH_PH         | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng phát hành chứng từ         |
| 12                                                                                 |                | Ten_NH_PH        | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng phát hành chứng từ        |
| 13                                                                                 |                | Ma_NH_TH         | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng thụ hưởng                  |
| 14                                                                                 |                | Ten_NH_TH        | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng thụ hưởng                 |
| 15                                                                                 |                | Ma_DV            | 3 | Varchar  | 14  | x | Mã đơn vị XNK                                  |
| 16                                                                                 |                | Ma_Chuong        | 3 | Number   | 3   | x | Mã chương ngân sách của đơn vị XNK             |
| 17                                                                                 |                | Ten_DV           | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên đơn vị XNK                                 |
| 18                                                                                 |                | Ma_KB            | 3 | Varchar  | 5   | x | Mã kho bạc                                     |

|    |                  |             |   |          |      |   |                                                                                    |
|----|------------------|-------------|---|----------|------|---|------------------------------------------------------------------------------------|
| 19 |                  | Ten_KB      | 3 | Varchar  | 255  | x | Tên KB nơi HQ mở tài khoản                                                         |
| 20 |                  | TKKB        | 3 | Varchar  | 15   | x | Tài khoản kho bạc                                                                  |
| 28 |                  | Ma_NTK      | 3 | Number   | 1    | x | Mã nhóm tài khoản                                                                  |
| 21 |                  | Ma_HQ_PH    | 3 | Varchar  | 6    | x | Mã hải quan phát hành                                                              |
| 22 |                  | Ma_HQ_CQT   | 3 | Varchar  | 7    | x | Mã quan hệ ngân sách của đơn vị HQ phát hành chứng từ                              |
| 23 |                  | KyHieu_CT   | 3 | Varchar  | 10   | x | Ký hiệu chứng từ                                                                   |
| 24 |                  | So_CT       | 3 | Varchar  | 10   | x | Số chứng từ                                                                        |
| 25 |                  | Loai_CT     | 3 | Number   | 2    | x | Loại chứng từ                                                                      |
| 26 |                  | So_TN_CTS   | 3 | Varchar  | 40   |   | Số tiếp nhận của chứng từ yêu cầu sửa (bắt buộc trong trường hợp Loai_CT là sửa)   |
| 27 |                  | Ngay_TN_CTS | 3 | DateTime | 19   |   | Ngày tiếp nhận của chứng từ yêu cầu sửa (bắt buộc trong trường hợp Loai_CT là sửa) |
| 29 |                  | Ngay_BN     | 3 | Date     | 10   | x | Ngày báo nợ                                                                        |
| 30 |                  | Ngay_BC     | 3 | Date     | 10   | x | Ngày báo có                                                                        |
| 31 |                  | Ngay_CT     | 3 | Date     | 10   | x | Ngày chứng từ                                                                      |
| 32 |                  | SoTien_TO   | 3 | Number   | 20,4 | x | Tổng số tiền                                                                       |
| 33 |                  | DienGiai    | 3 | Varchar  | 255  | x | Diễn giải                                                                          |
| 34 | <b>GNT CT</b>    |             | 3 |          |      |   |                                                                                    |
| 35 |                  | TTButToan   | 4 | Number   | 5    | x | Thứ tự bút toán (Tăng theo tờ khai hải quan trên giấy nộp tiền)                    |
| 36 |                  | Ma_HQ       | 4 | Varchar  | 6    | x | Mã hải quan mở tờ khai                                                             |
| 37 |                  | Ma_LH       | 4 | Varchar  | 5    | x | Mã loại hình                                                                       |
| 38 |                  | Nam_DK      | 4 | Number   | 4    | x | Năm đăng ký tờ khai                                                                |
| 39 |                  | So_TK       | 4 | Varchar  | 15   | x | Số tờ khai hải quan                                                                |
| 40 |                  | Ma_LT       | 4 | Number   | 2    | x | Mã loại tiền                                                                       |
| 41 | <b>ToKhai CT</b> |             | 4 |          |      |   |                                                                                    |
| 42 |                  | Ma_ST       | 5 | Varchar  | 2    | x | Mã sắc thuế                                                                        |
| 43 |                  | NDKT        | 5 | Varchar  | 4    | x | Nội dung kinh tế                                                                   |
| 44 |                  | SoTien      | 5 | Number   | 20,4 | x | Số tiền                                                                            |
| 45 | <b>Security</b>  |             | 2 |          |      |   |                                                                                    |
| 46 |                  | Signature   | 3 | Varchar  | 500  | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data                                            |

**Thông điệp xác nhận nộp tiền cho nhiều tờ khai bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng (M27)**

|    |                |                  |   |          |     |   |                                                                                  |
|----|----------------|------------------|---|----------|-----|---|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | <b>CUSTOMS</b> |                  | 1 |          |     |   |                                                                                  |
| 2  | <b>Header</b>  |                  | 2 |          |     |   |                                                                                  |
| 3  |                | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5   | x | Phiên bản thông điệp (2.0)                                                       |
| 4  |                | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng (Mã hội sở chính)                                            |
| 5  |                | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng                                                             |
| 6  |                | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x | Loại thông điệp (27)                                                             |
| 7  |                | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                                                   |
| 8  |                | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss                                   |
| 9  |                | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch                                                                     |
| 10 | <b>Data</b>    |                  | 2 |          |     |   |                                                                                  |
| 11 |                | Ma_NH_PH         | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                                           |
| 12 |                | Ten_NH_PH        | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                                          |
| 13 |                | Ma_NH_TH         | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng thụ hưởng                                                    |
| 14 |                | Ten_NH_TH        | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng thụ hưởng                                                   |
| 15 |                | Ma_DV            | 3 | Varchar  | 14  | x | Mã đơn vị XNK                                                                    |
| 16 |                | Ma_Chuong        | 3 | Number   | 3   | x | Mã chương ngân sách của đơn vị XNK                                               |
| 17 |                | Ten_DV           | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên đơn vị XNK                                                                   |
| 18 |                | Ma_KB            | 3 | Varchar  | 5   | x | Mã kho bạc                                                                       |
| 19 |                | Ten_KB           | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên KB nơi HQ mở tài khoản                                                       |
| 20 |                | TKKB             | 3 | Varchar  | 15  | x | Tài khoản kho bạc                                                                |
| 21 |                | Ma_NTK           | 3 | Number   | 1   | x | Mã nhóm tài khoản                                                                |
| 22 |                | Ma_HQ_CQT        | 3 | Varchar  | 7   | x | Mã quan hệ ngân sách của đơn vị HQ phát hành chứng từ                            |
| 23 |                | KyHieu_CT        | 3 | Varchar  | 10  | x | Ký hiệu chứng từ                                                                 |
| 24 |                | So_CT            | 3 | Varchar  | 10  | x | Số chứng từ                                                                      |
| 25 |                | Loai_CT          | 3 | Number   | 2   | x | Loại chứng từ                                                                    |
| 26 |                | So_TN_CTS        | 3 | Varchar  | 40  |   | Số tiếp nhận của chứng từ yêu cầu sửa (bắt buộc trong trường hợp Loai_CT là sửa) |
| 27 |                | Ngay_TN_CTS      | 3 | DateTime | 19  |   | Ngày tiếp nhận của chứng từ                                                      |

|    |                  |           |   |         |      |   |                                                                 |
|----|------------------|-----------|---|---------|------|---|-----------------------------------------------------------------|
|    |                  |           |   |         |      |   | yêu cầu sửa (bắt buộc trong trường hợp Loai_CT là sửa)          |
| 28 |                  | Ngay_BN   | 3 | Date    | 10   | x | Ngày báo nợ                                                     |
| 29 |                  | Ngay_BC   | 3 | Date    | 10   | x | Ngày báo có                                                     |
| 30 |                  | Ngay_CT   | 3 | Date    | 10   | x | Ngày chứng từ                                                   |
| 31 |                  | SoTien_TO | 3 | Number  | 20,4 | x | Tổng số tiền                                                    |
| 32 |                  | DienGiai  | 3 | Varchar | 255  | x | Diễn giải                                                       |
| 33 | <b>GNT_CT</b>    |           | 3 |         |      |   | <b>Lập lại nhiều lần</b>                                        |
| 34 |                  | TTButToan | 4 | Number  | 5    | x | Thứ tự bút toán (Tăng theo tờ khai hải quan trên giấy nộp tiền) |
| 35 |                  | Ma_HQ     | 4 | Varchar | 6    | x | Mã hải quan mở tờ khai                                          |
| 36 |                  | Ma_LH     | 4 | Varchar | 5    | x | Mã loại hình                                                    |
| 37 |                  | Nam_DK    | 4 | Number  | 4    | x | Năm đăng ký tờ khai                                             |
| 38 |                  | So_TK     | 4 | Varchar | 15   | x | Số tờ khai hải quan                                             |
| 39 |                  | Ma_LT     | 4 | Number  | 2    | x | Mã loại tiền                                                    |
| 40 | <b>ToKhai_CT</b> |           | 4 |         |      |   | <b>Lập lại nhiều lần</b>                                        |
| 41 |                  | Ma_ST     | 5 | Varchar | 2    | x | Mã sắc thuế                                                     |
| 42 |                  | NDKT      | 5 | Varchar | 4    | x | Nội dung kinh tế                                                |
| 43 |                  | Ma_NT     | 5 | Varchar | 3    | x | Mã nguyên tệ                                                    |
| 44 |                  | Ty_Gia    | 5 | Varchar | 20.4 | x | Tỷ giá                                                          |
| 45 |                  | SoTien_NT | 5 | Number  | 20.4 | x | Số tiền nguyên tệ                                               |
| 46 |                  | SoTien    | 5 | Number  | 20,4 | x | Số tiền                                                         |
| 47 | <b>Security</b>  |           | 2 |         |      |   |                                                                 |
| 48 |                  | Signature | 3 | Varchar | 500  | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data                         |

**Thông điệp đối chiếu dữ liệu giao dịch nộp thuế bằng VND cho nhiều tờ khai thành công (M47)**

| STT | Tên thẻ        | Thuộc tính      | Mức | Kiểu dữ liệu | Độ dài | Bắt buộc | Mô tả                          |
|-----|----------------|-----------------|-----|--------------|--------|----------|--------------------------------|
| 1   | <b>CUSTOMS</b> |                 | 1   |              |        |          |                                |
| 2   | <b>Header</b>  |                 | 2   |              |        |          |                                |
| 3   |                | Message_Version | 3   | Varchar      | 5      | x        | Phiên bản thông điệp (2.0)     |
| 4   |                | Sender_Code     | 3   | Varchar      | 11     | x        | Mã ngân hàng (Mã hội sở chính) |

|    |                    |                  |   |          |     |   |                                                          |
|----|--------------------|------------------|---|----------|-----|---|----------------------------------------------------------|
| 5  |                    | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên ngân hàng                                            |
| 6  |                    | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x | Loại thông điệp (47)                                     |
| 7  |                    | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                           |
| 8  |                    | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss           |
| 9  |                    | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch do Tổ chức tín dụng cấp                     |
| 10 | <b>Data</b>        |                  | 2 |          |     |   |                                                          |
| 11 |                    | Ma_NH_DC         | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã ngân hàng đối chiếu ( Mã hội sở chính)                |
| 12 |                    | Ngày_DC          | 3 | Datetime | 10  | x | Ngày đối chiếu                                           |
| 13 | <b>Transaction</b> |                  | 3 |          |     |   | Lặp lại nhiều lần                                        |
| 14 |                    | Transaction_ID   | 4 | Varchar  | 40  |   | Mã giao dịch                                             |
| 15 |                    | So_TN_CT         | 4 | Varchar  | 40  | x | Số tiếp nhận do hệ thống của TCHQ cấp                    |
| 16 |                    | Ngày_TN_CT       | 4 | Datetime | 19  | x | Ngày tiếp nhận vào hệ thống của TCHQ (dùng để đối chiếu) |
| 17 |                    | Ma_NH_PH         | 4 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                   |
| 18 |                    | Ten_NH_PH        | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                  |
| 19 |                    | Ma_NH_TH         | 4 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng thụ hưởng                            |
| 20 |                    | Ten_NH_TH        | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng thụ hưởng                           |
| 21 |                    | Ma_DV            | 4 | Varchar  | 14  | x | Mã đơn vị XNK                                            |
| 22 |                    | Ma_Chuong        | 4 | Number   | 3   | x | Mã chương ngân sách của đơn vị XNK                       |
| 23 |                    | Ten_DV           | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên đơn vị XNK                                           |
| 24 |                    | Ma_KB            | 4 | Varchar  | 5   | x | Mã kho bạc                                               |
| 25 |                    | Ten_KB           | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên KB nơi HQ mở tài khoản                               |
| 26 |                    | TKKB             | 4 | Varchar  | 15  | x | Tài khoản kho bạc                                        |
| 27 |                    | Ma_NTK           | 4 | Number   | 1   | x | Mã nhóm tài khoản                                        |
| 28 |                    | Ma_HQ_PH         | 4 | Varchar  | 6   | x | Mã hải quan phát hành                                    |

|    |                  |           |   |         |      |   |                                                                 |
|----|------------------|-----------|---|---------|------|---|-----------------------------------------------------------------|
| 29 |                  | Ma_HQ_CQT | 4 | Varchar | 7    | x | Mã quan hệ ngân sách của đơn vị HQ phát hành chứng từ           |
| 30 |                  | KyHieu_CT | 4 | Varchar | 10   | x | Ký hiệu chứng từ                                                |
| 31 |                  | So_CT     | 4 | Varchar | 10   | x | Số chứng từ                                                     |
| 32 |                  | Loai_CT   | 4 | Number  | 2    | x | Loại chứng từ                                                   |
| 33 |                  | Ngay_BN   | 4 | Date    | 10   | x | Ngày báo nợ                                                     |
| 34 |                  | Ngay_BC   | 4 | Date    | 10   | x | Ngày báo có                                                     |
| 35 |                  | Ngay_CT   | 4 | Date    | 10   | x | Ngày chứng từ                                                   |
| 36 |                  | SoTien_TO | 4 | Number  | 20,4 | x | Tổng số tiền                                                    |
| 37 |                  | DienGiai  | 4 | Varchar | 255  | x | Diễn giải                                                       |
| 38 | <b>GNT_CT</b>    |           | 4 |         |      |   |                                                                 |
| 39 |                  | TTButToan | 5 | Number  | 5    | x | Thứ tự bút toán (Tăng theo tờ khai hải quan trên giấy nộp tiền) |
| 40 |                  | Ma_HQ     | 5 | Varchar | 6    | x | Mã hải quan mở tờ khai                                          |
| 41 |                  | Ma_LH     | 5 | Varchar | 5    | x | Mã loại hình                                                    |
| 42 |                  | Nam_DK    | 5 | Number  | 4    | x | Năm đăng ký tờ khai                                             |
| 43 |                  | So_TK     | 5 | Varchar | 15   | x | Số tờ khai hải quan                                             |
| 44 |                  | Ma_LT     | 5 | Number  | 2    | x | Mã loại tiền                                                    |
| 45 | <b>ToKhai_CT</b> |           | 5 |         |      |   |                                                                 |
| 46 |                  | Ma_ST     | 6 | Varchar | 2    | x | Mã sắc thuế                                                     |
| 47 |                  | NDKT      | 6 | Varchar | 4    | x | Nội dung kinh tế                                                |
| 48 |                  | SoTien    | 6 | Number  | 20,4 | x | Số tiền                                                         |
| 49 | <b>Security</b>  |           | 2 |         |      |   |                                                                 |
| 50 |                  | Signature | 3 | Varchar | 500  | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data                         |

| Thông điệp kết quả đối chiếu dữ liệu giao dịch nộp thuế bằng VNĐ cho nhiều tờ khai thành công (M48) |                |                 |     |              |        |          |                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-----|--------------|--------|----------|----------------------------|
| STT                                                                                                 | Tên thẻ        | Thuộc tính      | Mức | Kiểu dữ liệu | Độ dài | Bắt buộc | Mô tả                      |
| 1                                                                                                   | <b>CUSTOMS</b> |                 | 1   |              |        |          |                            |
| 2                                                                                                   | <b>Header</b>  |                 | 2   |              |        |          |                            |
| 3                                                                                                   |                | Message_Version | 3   | Varchar      | 5      | x        | Phiên bản thông điệp (2.0) |

|    |                    |                  |   |          |     |   |                                                          |
|----|--------------------|------------------|---|----------|-----|---|----------------------------------------------------------|
| 4  |                    | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã ngân hàng (Mã hội sở chính)                           |
| 5  |                    | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên ngân hàng                                            |
| 6  |                    | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x | Loại thông điệp (47)                                     |
| 7  |                    | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                           |
| 8  |                    | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss           |
| 9  |                    | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch do TCHQ cấp                                 |
|    |                    | Request_ID       | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch do Tổ chức tín dụng cấp                     |
| 10 | <b>Data</b>        |                  | 2 |          |     |   |                                                          |
| 11 | <b>Transaction</b> |                  | 3 |          |     |   | Lặp lại nhiều lần                                        |
| 12 |                    | Transaction_ID   | 4 | Varchar  | 40  |   | Mã giao dịch                                             |
| 13 |                    | So_TN_CT         | 4 | Varchar  | 40  | x | Số tiếp nhận do hệ thống của TCHQ cấp                    |
| 14 |                    | Ngay_TN_CT       | 4 | Datetime | 19  | x | Ngày tiếp nhận vào hệ thống của TCHQ (dùng để đối chiếu) |
| 15 |                    | Ma_NH_PH         | 4 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                   |
| 16 |                    | Ten_NH_PH        | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                  |
| 17 |                    | Ma_NH_TH         | 4 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng thụ hưởng                            |
| 18 |                    | Ten_NH_TH        | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng thụ hưởng                           |
| 19 |                    | Ma_DV            | 4 | Varchar  | 14  | x | Mã đơn vị XNK                                            |
| 20 |                    | Ma_Chuong        | 4 | Number   | 3   | x | Mã chương ngân sách của đơn vị XNK                       |
| 21 |                    | Ten_DV           | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên đơn vị XNK                                           |
| 22 |                    | Ma_KB            | 4 | Varchar  | 5   | x | Mã kho bạc                                               |
| 23 |                    | Ten_KB           | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên KB noi HQ mở tài khoản                               |
| 24 |                    | TKKB             | 4 | Varchar  | 15  | x | Tài khoản kho bạc                                        |
| 25 |                    | Ma_NTK           | 4 | Number   | 1   | x | Mã nhóm tài khoản                                        |
| 26 |                    | Ma_HQ_PH         | 4 | Varchar  | 6   | x | Mã hải quan phát hành                                    |

|    |                  |               |   |         |      |   |                                                                 |
|----|------------------|---------------|---|---------|------|---|-----------------------------------------------------------------|
| 27 |                  | Ma_HQ_CQT     | 4 | Varchar | 7    | x | Mã quan hệ ngân sách của đơn vị HQ phát hành chứng từ           |
| 28 |                  | KyHieu_CT     | 4 | Varchar | 10   | x | Ký hiệu chứng từ                                                |
| 29 |                  | So_CT         | 4 | Varchar | 10   | x | Số chứng từ                                                     |
| 30 |                  | Loai_CT       | 4 | Number  | 2    | x | Loại chứng từ                                                   |
| 31 |                  | Ngay_BN       | 4 | Date    | 10   | x | Ngày báo nợ                                                     |
| 32 |                  | Ngay_BC       | 4 | Date    | 10   | x | Ngày báo có                                                     |
| 33 |                  | Ngay_CT       | 4 | Date    | 10   | x | Ngày chứng từ                                                   |
| 34 |                  | SoTien_TO     | 4 | Number  | 20,4 | x | Tổng số tiền                                                    |
| 35 |                  | DienGiai      | 4 | Varchar | 255  | x | Diễn giải                                                       |
| 36 | <b>GNT_CT</b>    |               | 4 |         |      |   |                                                                 |
| 37 |                  | TTButToan     | 5 | Number  | 5    | x | Thứ tự bút toán (Tăng theo tờ khai hải quan trên giấy nộp tiền) |
| 38 |                  | Ma_HQ         | 5 | Varchar | 6    | x | Mã hải quan mở tờ khai                                          |
| 39 |                  | Ma_LH         | 5 | Varchar | 5    | x | Mã loại hình                                                    |
| 40 |                  | Nam_DK        | 5 | Number  | 4    | x | Năm đăng ký tờ khai                                             |
| 41 |                  | So_TK         | 5 | Varchar | 15   | x | Số tờ khai hải quan                                             |
| 42 |                  | Ma_LT         | 5 | Number  | 2    | x | Mã loại tiền                                                    |
| 43 | <b>ToKhai_CT</b> |               | 5 |         |      |   |                                                                 |
| 44 |                  | Ma_ST         | 6 | Varchar | 2    | x | Mã sắc thuế                                                     |
| 45 |                  | NDKT          | 6 | Varchar | 4    | x | Nội dung kinh tế                                                |
| 46 |                  | SoTien        | 6 | Number  | 20,4 | x | Số tiền                                                         |
| 47 |                  | KQ_DC         | 4 | Varchar | 255  | x | Kết quả đối chiếu                                               |
| 48 | <b>Error</b>     |               | 2 |         |      |   |                                                                 |
| 49 |                  | Error_Number  | 3 | Number  | 4    |   | Mã lỗi                                                          |
| 50 |                  | Error_Message | 3 | Varchar | 255  |   | Nội dung lỗi                                                    |
| 51 | <b>Security</b>  |               | 2 |         |      |   |                                                                 |
| 52 |                  | Signature     | 3 | Varchar | 500  | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data, Error                  |

| Thông điệp đối chiếu dữ liệu giao dịch nộp thuế nhiều tờ khai thành công (M49) |         |            |     |              |        |          |       |
|--------------------------------------------------------------------------------|---------|------------|-----|--------------|--------|----------|-------|
| STT                                                                            | Tên thẻ | Thuộc tính | Mức | Kiểu dữ liệu | Độ dài | Bắt buộc | Mô tả |

|    |                    |                  |   |          |     |   |                                                          |
|----|--------------------|------------------|---|----------|-----|---|----------------------------------------------------------|
| 1  | <b>CUSTOMS</b>     |                  | 1 |          |     |   |                                                          |
| 2  | <b>Header</b>      |                  | 2 |          |     |   |                                                          |
| 3  |                    | Message_Version  | 3 | Varchar  | 5   | x | Phiên bản thông điệp (2.0)                               |
| 4  |                    | Sender_Code      | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã ngân hàng (Mã hội sở chính)                           |
| 5  |                    | Sender_Name      | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên ngân hàng                                            |
| 6  |                    | Transaction_Type | 3 | Number   | 2   | x | Loại thông điệp (49)                                     |
| 7  |                    | Transaction_Name | 3 | Varchar  | 255 | x | Tên thông điệp                                           |
| 8  |                    | Transaction_Date | 3 | Datetime | 19  | x | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss           |
| 9  |                    | Transaction_ID   | 3 | Varchar  | 40  | x | Mã giao dịch                                             |
| 10 | <b>Data</b>        |                  | 2 |          |     |   |                                                          |
| 11 |                    | Ma_NH_DC         | 3 | Varchar  | 11  | x | Mã ngân hàng đối chiếu (Mã hội sở chính)                 |
| 12 |                    | Ngay_DC          | 3 | Datetime | 10  | x | Ngày đối chiếu                                           |
| 13 | <b>Transaction</b> |                  | 3 |          |     |   | Lặp lại nhiều lần                                        |
| 14 |                    | Transaction_ID   | 4 | Varchar  | 40  |   | Mã giao dịch                                             |
| 15 |                    | So_TN_CT         | 4 | Varchar  | 40  | x | Số tiếp nhận do hệ thống của TCHQ cấp                    |
| 16 |                    | Ngay_TN_CT       | 4 | Datetime | 19  | x | Ngày tiếp nhận vào hệ thống của TCHQ (dùng để đối chiếu) |
| 17 |                    | Ma_NH_PH         | 4 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                   |
| 18 |                    | Ten_NH_PH        | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                  |
| 19 |                    | Ma_NH_TH         | 4 | Varchar  | 11  | x | Mã tổ chức tín dụng thụ hưởng                            |
| 20 |                    | Ten_NH_TH        | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên tổ chức tín dụng thụ hưởng                           |
| 21 |                    | Ma_DV            | 4 | Varchar  | 14  | x | Mã đơn vị XNK                                            |
| 22 |                    | Ma_Chuong        | 4 | Number   | 3   | x | Mã chương ngân sách của đơn vị XNK                       |
| 23 |                    | Ten_DV           | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên đơn vị XNK                                           |
| 24 |                    | Ma_KB            | 4 | Varchar  | 5   | x | Mã kho bạc                                               |
| 25 |                    | Ten_KB           | 4 | Varchar  | 255 | x | Tên KB nơi HQ mở                                         |

|    |                  |           |   |         |      |   |                                                                 |
|----|------------------|-----------|---|---------|------|---|-----------------------------------------------------------------|
|    |                  |           |   |         |      |   | tài khoản                                                       |
| 26 |                  | TKKB      | 4 | Varchar | 15   | x | Tài khoản kho bạc                                               |
| 27 |                  | Ma_NTK    | 4 | Number  | 1    | x | Mã nhóm tài khoản                                               |
| 28 |                  | Ma_HQ_CQT | 4 | Varchar | 7    | x | Mã quan hệ ngân sách của đơn vị HQ phát hành chứng từ           |
| 29 |                  | KyHieu_CT | 4 | Varchar | 10   | x | Ký hiệu chứng từ                                                |
| 30 |                  | So_CT     | 4 | Varchar | 10   | x | Số chứng từ                                                     |
| 31 |                  | Loai_CT   | 4 | Number  | 2    | x | Loại chứng từ                                                   |
| 32 |                  | Ngay_BN   | 4 | Date    | 10   | x | Ngày báo nợ                                                     |
| 33 |                  | Ngay_BC   | 4 | Date    | 10   | x | Ngày báo có                                                     |
| 34 |                  | Ngay_CT   | 4 | Date    | 10   | x | Ngày chứng từ                                                   |
| 35 |                  | SoTien_TO | 4 | Number  | 20,4 | x | Tổng số tiền                                                    |
| 36 |                  | DienGiai  | 4 | Varchar | 255  | x | Diễn giải                                                       |
| 37 | <b>GNT_CT</b>    |           | 4 |         |      |   | <b>Lặp lại nhiều lần</b>                                        |
| 38 |                  | TTButToan | 5 | Number  | 5    | x | Thứ tự bút toán (Tăng theo tờ khai hải quan trên giấy nộp tiền) |
| 39 |                  | Ma_HQ     | 5 | Varchar | 6    | x | Mã hải quan mở tờ khai                                          |
| 40 |                  | Ma_LH     | 5 | Varchar | 5    | x | Mã loại hình                                                    |
| 41 |                  | Nam_DK    | 5 | Number  | 4    | x | Năm đăng ký tờ khai                                             |
| 42 |                  | So_TK     | 5 | Varchar | 15   | x | Số tờ khai hải quan                                             |
| 43 |                  | Ma_LT     | 5 | Number  | 2    | x | Mã loại tiền                                                    |
| 44 | <b>ToKhai_CT</b> |           | 5 |         |      |   | <b>Lặp lại nhiều lần</b>                                        |
| 45 |                  | Ma_ST     | 6 | Varchar | 2    | x | Mã sắc thuế                                                     |
| 46 |                  | NDKT      | 6 | Varchar | 4    | x | Nội dung kinh tế                                                |
| 47 |                  | Ma_NT     | 6 | Varchar | 3    | x | Mã nguyên tệ                                                    |
| 48 |                  | Ty_Gia    | 6 | Varchar | 20,4 | x | Tỷ giá                                                          |
| 49 |                  | SoTien_NT | 6 | Number  | 20,4 | x | Số tiền nguyên tệ                                               |
| 50 |                  | SoTien    | 6 | Number  | 20,4 | x | Số tiền                                                         |
| 51 | <b>Security</b>  |           | 2 |         |      |   |                                                                 |
| 52 |                  | Signature | 3 | Varchar | 500  | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data                         |

**Thông điệp kết quả đối chiếu dữ liệu giao dịch nộp thuế bằng ngoại tệ cho nhiều tờ khai thành công (M50)**

| STT | Tên thẻ            | Thuộc tính       | Mức | Kiểu dữ liệu | Độ dài | Bắt buộc | Mô tả                                                    |
|-----|--------------------|------------------|-----|--------------|--------|----------|----------------------------------------------------------|
| 1   | <b>CUSTOMS</b>     |                  | 1   |              |        |          |                                                          |
| 2   | <b>Header</b>      |                  | 2   |              |        |          |                                                          |
| 3   |                    | Message_Version  | 3   | Varchar      | 5      | x        | Phiên bản thông điệp (2.0)                               |
| 4   |                    | Sender_Code      | 3   | Varchar      | 11     | x        | Mã ngân hàng (Mã hội sở chính)                           |
| 5   |                    | Sender_Name      | 3   | Varchar      | 255    | x        | Tên ngân hàng                                            |
| 6   |                    | Transaction_Type | 3   | Number       | 2      | x        | Loại thông điệp (50)                                     |
| 7   |                    | Transaction_Name | 3   | Varchar      | 255    | x        | Tên thông điệp                                           |
| 8   |                    | Transaction_Date | 3   | Datetime     | 19     | x        | Ngày giao dịch, định dạng: YYYY-MM-DDThh:mm:ss           |
| 9   |                    | Transaction_ID   | 3   | Varchar      | 40     | x        | Mã giao dịch do TCHQ cấp                                 |
| 10  |                    | Request_ID       | 3   | Varchar      | 40     | x        | Mã giao dịch do Tổ chức tín dụng cấp                     |
| 11  | <b>Data</b>        |                  | 2   |              |        |          |                                                          |
| 12  | <b>Transaction</b> |                  | 3   |              |        |          | Lặp lại nhiều lần                                        |
| 13  |                    | Transaction_ID   | 4   | Varchar      | 40     |          | Mã giao dịch                                             |
| 14  |                    | So_TN_CT         | 4   | Varchar      | 40     | x        | Số tiếp nhận do hệ thống của TCHQ cấp                    |
| 15  |                    | Ngay_TN_CT       | 4   | Datetime     | 19     | x        | Ngày tiếp nhận vào hệ thống của TCHQ (dùng để đối chiếu) |
| 16  |                    | Ma_NH_PH         | 4   | Varchar      | 11     | x        | Mã tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                   |
| 17  |                    | Ten_NH_PH        | 4   | Varchar      | 255    | x        | Tên tổ chức tín dụng phát hành chứng từ                  |
| 18  |                    | Ma_NH_TH         | 4   | Varchar      | 11     | x        | Mã tổ chức tín dụng thụ hưởng                            |
| 19  |                    | Ten_NH_TH        | 4   | Varchar      | 255    | x        | Tên tổ chức tín dụng thụ hưởng                           |
| 20  |                    | Ma_DV            | 4   | Varchar      | 14     | x        | Mã đơn vị XNK                                            |
| 21  |                    | Ma_Chuong        | 4   | Number       | 3      | x        | Mã chương ngân sách của đơn vị XNK                       |
| 22  |                    | Ten_DV           | 4   | Varchar      | 255    | x        | Tên đơn vị XNK                                           |
| 23  |                    | Ma_KB            | 4   | Varchar      | 5      | x        | Mã kho bạc                                               |

|    |                  |               |   |         |      |   |                                                                 |
|----|------------------|---------------|---|---------|------|---|-----------------------------------------------------------------|
| 24 |                  | Ten_KB        | 4 | Varchar | 255  | x | Tên KB nơi HQ mở tài khoản                                      |
| 25 |                  | TKKB          | 4 | Varchar | 15   | x | Tài khoản kho bạc                                               |
| 26 |                  | Ma_NTK        | 4 | Number  | 1    | x | Mã nhóm tài khoản                                               |
| 27 |                  | Ma_HQ_CQT     | 4 | Varchar | 7    | x | Mã quan hệ ngân sách của đơn vị HQ phát hành chứng từ           |
| 28 |                  | KyHieu_CT     | 4 | Varchar | 10   | x | Ký hiệu chứng từ                                                |
| 29 |                  | So_CT         | 4 | Varchar | 10   | x | Số chứng từ                                                     |
| 30 |                  | Loai_CT       | 4 | Number  | 2    | x | Loại chứng từ                                                   |
| 31 |                  | Ngay_BN       | 4 | Date    | 10   | x | Ngày báo nợ                                                     |
| 32 |                  | Ngay_BC       | 4 | Date    | 10   | x | Ngày báo có                                                     |
| 33 |                  | Ngay_CT       | 4 | Date    | 10   | x | Ngày chứng từ                                                   |
| 34 |                  | SoTien_TO     | 4 | Number  | 20,4 | x | Tổng số tiền                                                    |
| 35 |                  | DienGiai      | 4 | Varchar | 255  | x | Diễn giải                                                       |
| 36 | <b>GNT_CT</b>    |               | 4 |         |      |   | <b>Lập lại nhiều lần</b>                                        |
| 37 |                  | TTButToan     | 5 | Number  | 5    | x | Thứ tự bút toán (Tăng theo tờ khai hải quan trên giấy nộp tiền) |
| 38 |                  | Ma_HQ         | 5 | Varchar | 6    | x | Mã hải quan mở tờ khai                                          |
| 39 |                  | Ma_LH         | 5 | Varchar | 5    | x | Mã loại hình                                                    |
| 40 |                  | Nam_DK        | 5 | Number  | 4    | x | Năm đăng ký tờ khai                                             |
| 41 |                  | So_TK         | 5 | Varchar | 15   | x | Số tờ khai hải quan                                             |
| 42 |                  | Ma_LT         | 5 | Number  | 2    | x | Mã loại tiền                                                    |
| 43 | <b>ToKhai_CT</b> |               | 5 |         |      |   | <b>Lập lại nhiều lần</b>                                        |
| 44 |                  | Ma_ST         | 6 | Varchar | 2    | x | Mã sắc thuế                                                     |
| 45 |                  | NDKT          | 6 | Varchar | 4    | x | Nội dung kinh tế                                                |
| 46 |                  | Ma_NT         | 6 | Varchar | 3    | x | Mã nguyên tệ                                                    |
| 47 |                  | Ty_Gia        | 6 | Varchar | 20,4 | x | Tỷ giá                                                          |
| 48 |                  | SoTien_NT     | 6 | Number  | 20,4 | x | Số tiền nguyên tệ                                               |
| 49 |                  | SoTien        | 6 | Number  | 20,4 | x | Số tiền                                                         |
| 50 |                  | KQ_DC         | 4 | Varchar | 255  | x | Kết quả đối chiếu                                               |
| 51 | <b>Error</b>     |               | 2 |         |      |   |                                                                 |
| 52 |                  | Error_Number  | 3 | Number  | 4    | x | Mã lỗi                                                          |
| 53 |                  | Error_Message | 3 | Varchar | 255  | x | Nội dung lỗi                                                    |

|    |          |           |   |         |     |   |                                         |
|----|----------|-----------|---|---------|-----|---|-----------------------------------------|
| 54 | Security |           | 2 |         |     |   |                                         |
| 55 |          | Signature | 3 | Varchar | 500 | x | Chữ ký số, ký lên các thẻ: Header, Data |

